

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

HOÀNG HẢI AN

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Hải Phòng - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

HOÀNG HẢI AN

**MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO
TRONG THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ VÀ THÔNG QUAN TỰ
ĐỘNG VNACCS/VCIS TẠI CỤC HẢI QUAN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
MÃ SỐ: 60 34 01 02**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. Nguyễn Thị My**

LỜI CAM ĐOAN

Luận văn “*Một số biện pháp hoàn thiện công tác Quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng*” là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và kết quả trong luận văn là do chính tôi tự thu thập, vận dụng kiến thức đã học và trao đổi với giáo viên hướng dẫn để hoàn thành.

Hải Phòng, ngày 26 tháng 10 năm 2017

Học viên

Hoàng Hải An

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới tập thể giảng viên đã tận tình dạy dỗ tôi trong thời gian theo học ở trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

Tiếp theo, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới **tiền sỹ Nguyễn Thị My** - người đã tận tình hướng dẫn tôi trong suốt quá trình làm luận văn.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân tình tới lãnh đạo Cục Hải quan thành phố Hải Phòng đã tạo điều kiện cho tôi được tham gia theo học tại trường Đại học Dân lập Hải Phòng; cảm ơn các đồng nghiệp đã hỗ trợ, cung cấp thông tin, số liệu giúp tôi hoàn thiện được bài luận văn của mình.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 26 tháng 10 năm 2017

Học viên

Hoàng Hải An

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	1
LỜI CẢM ƠN	iv
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	viii
DANH MỤC SƠ ĐỒ	ix
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	x
PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ RỦI RO TRONG TỔ CHỨC	4
1.1. Khái niệm rủi ro, quản lý rủi ro và nguyên tắc trong quản lý rủi ro	4
1.1.1. Khái niệm về rủi ro	4
1.1.2. Khái niệm về Quản lý rủi ro.....	5
1.1.3. Các nguyên tắc trong quản lý rủi ro	6
1.2. Quy trình và nội dung quản lý rủi ro.....	6
1.2.1. Quy trình quản lý rủi ro.....	6
1.2.2. Nội dung các bước trong quy trình quản lý rủi ro	7
1.3. Quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS	9
1.3.1. Khái niệm thủ tục hải quan	9
1.3.2. Khái niệm thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS	10
1.3.3. Quy trình và nội dung quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS	15
1.4. Các yếu tố tác động, ảnh hưởng đến QLRR trong thủ tục hải quan điện tử	26
1.4.1. Các yếu tố thuộc về Nhà nước	26
1.4.2. Các quy định pháp lý của các tổ chức quốc tế về thủ tục Hải quan	27
1.4.3. Các yếu tố thuộc về cơ quan Hải quan	29
1.4.4. Các yếu tố thuộc về doanh nghiệp	29

1.4.5. Các yếu tố thuộc về hàng hóa xuất, nhập khẩu	30
1.4.6. Các yếu tố thuộc về thị trường thế giới	30
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG QUẢN LÝ RỦI RO TRONG THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ VÀ THÔNG QUAN TỰ ĐỘNG VNACCS/VCIS TẠI CỤC HẢI QUAN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG.....	32
2.1. Giới thiệu Cục Hải quan thành phố Hải Phòng	32
2.1.1. Giới thiệu chung về Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.....	32
2.1.2. Thủ tục Hải quan điện tử tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng	34
2.2. Thực trạng quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan điện tử tại Cục hải quan thành phố Hải Phòng.	43
2.2.1. Hoạt động của Phòng Quản lý rủi ro:	43
2.2.2. Nội dung quản lý rủi ro tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng:.....	44
2.2.3. Đo lường, đánh giá tuân thủ trong hoạt động nghiệp vụ hải quan . . .	48
2.3. Những tồn tại, hạn chế	1
2.4. Nguyên nhân của hạn chế khi áp dụng áp dụng quản lý rủi ro vào trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng	4
2.4.1. Nguyên nhân khách quan	4
2.4.2. Nguyên nhân chủ quan.....	5
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO TRONG THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ VÀ THÔNG QUAN TỰ ĐỘNG VNACCS/VCIS TẠI CỤC HẢI QUAN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	7
3.1. Định hướng phát triển của ngành Hải quan, Cục Hải quan thành phố Hải Phòng đối với việc áp dụng quản lý rủi ro trong giai đoạn 2012-2016 tầm nhìn 2020	7
3.1.1. Định hướng phát triển của ngành Hải quan khi thực hiện cam kết khi gia nhập WTO	7

3.1.2. Định hướng phát triển của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng	12
3.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.....	14
3.2.1. Rà soát lại các văn bản pháp quy liên quan đến hoạt động hải quan kiến nghị cấp trên bổ sung sửa đổi để cập nhật các tiêu chí giảm tỷ lệ chuyển luồng tờ khai hải quan	14
3.2.2. Tập trung thu thập hồ sơ doanh nghiệp, phân tích đánh giá thông tin, trao đổi thông tin để từ xây dựng các tiêu chí áp dụng QLRR.....	16
3.2.3. Xây dựng trung tâm dữ liệu và công nghệ thông tin phù hợp với yêu cầu phân tích rủi ro.....	18
3.2.4. Cải cách bộ máy, phân nhiệm vụ công chức hải quan làm nghiệp vụ chuyên sâu về quản lý rủi ro.	19
3.2.5. Nâng cao năng lực cán bộ thực hiện quản lý rủi ro. Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng quản lý rủi ro cho cán bộ Phòng quản lý rủi ro và cán bộ chuyên trách quản lý rủi ro tại các chi cục	21
3.2.6. Đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp với việc áp dụng quản lý rủi ro trong quy trình thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng	24
3.2.7. Tăng cường quan hệ phối hợp với hợp tác quốc tế trong quản lý rủi ro	25
3.2.8. Chế độ đãi ngộ đối với cán bộ công chức Phòng quản lý rủi ro và cán bộ công chức chuyên trách quản lý rủi ro tại các Chi cục Hải quan	26
KẾT LUẬN	28
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	30

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Giải thích
WTO	Tổ chức thương mại thế giới
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
GATT	Hiệp ước chung về thuế quan và mậu dịch
QLRR	Quản lý rủi ro
HQĐT	Hải quan điện tử
XNK	Xuất nhập khẩu
XK	Xuất khẩu
NK	Nhập khẩu
GQRR	Giải quyết rủi ro
PLHQ	Pháp luật hải quan

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Số hiệu sơ đồ	Tên sơ đồ	Trang
1	Quản trị rủi ro trong tổ chức	7
2	Quy trình thủ tục hải quan điện tử theo Quyết Định 988/QĐ-TCHQ	14
3	Quy trình quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS	18
4	Bộ máy tổ chức Cục Hải quan thành phố Hải Phòng	33

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
2.1	Số lượng doanh nghiệp tham gia thủ tục hải quan điện tử	35
2.2	Số liệu tờ khai xuất nhập khẩu	36
2.3	Số liệu kim ngạch xuất nhập khẩu (giai đoạn 2012 - 2016)	38
2.4	Số thuế thu nhập ngân sách nhà nước	40
2.5	Số liệu thông quan điện tử đối với tàu biển XNC	41
2.6	Số liệu hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện hải quan điện tử Hệ thống VNACCS/VCIS	42
2.7	Tình hình phân luồng kiểm tra (hình thức kiểm tra)	49
2.8	Tình hình chuyển luồng tờ khai (thay đổi hình thức kiểm tra)	51
2.9	Tình hình vi phạm pháp luật hải quan	53
2.10	Số liệu xây dựng tiêu chí rủi ro và tiêu chí kiểm tra qua máy soi	55
2.11	Số liệu hồ sơ doanh nghiệp	57
2.12	Kết quả kiểm tra hàng XNK qua máy soi container cố định.	61
2.13	Kết quả kiểm tra hàng XNK qua máy soi container di động.	63

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quản lý rủi ro về cơ bản là quá trình xác định, phân tích và đánh giá những nguy cơ tiềm ẩn nhằm đưa ra các biện pháp hạn chế hoặc giảm thiệt hại do những nguy cơ đó mang lại. Rủi ro luôn tồn tại trong tất cả các lĩnh vực, từ những công việc giản đơn của cuộc sống cho đến các hoạt động kinh doanh, thương mại, đầu tư, tài chính, tín dụng, ngân hàng... Vậy nên quản lý rủi ro như một chiếc xương sống chạy qua tất cả các lĩnh vực giúp cho mọi hoạt động trở nên hiệu quả hơn.

Thực tế thấy rằng, áp dụng một chiến lược quản lý rủi ro sẽ mang lại nhiều lợi ích cho các tổ chức vì điều này sẽ giúp việc sắp xếp, cân đối nguồn nhân lực có hạn trong môi trường nhiều áp lực để đạt được hiệu quả cao trong mọi hoạt động của các tổ chức đó.

Trong lĩnh vực Hải quan cũng vậy, cùng với áp lực ngày càng lớn của quá trình hội nhập với nền kinh tế quốc tế, giảm thiểu sự can thiệp của Hải quan đối với hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, rút ngắn thời gian thông quan, đòi hỏi cơ quan Hải quan ngày càng phải chú trọng hơn vào việc tạo thuận lợi thương mại, đồng thời vẫn đảm bảo kiểm soát việc tuân thủ pháp Luật Hải quan thì việc nghiên cứu, làm rõ để có được cách nhìn sát, đúng, khách quan về quản lý rủi ro, đồng thời đề ra được các giải pháp thích ứng để áp dụng quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan điện tử đảm bảo sự gắn kết giữa các hoạt động nghiệp vụ, tạo ra sự “cân bằng giữa tạo thuận lợi và kiểm soát”, nâng cao năng lực quản lý của Hải quan, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, giảm thiểu thủ tục và mức độ kiểm tra, rút ngắn thời gian thông quan, đồng thời đảm bảo kiểm soát việc tuân thủ pháp luật trong quá trình tiến hành thủ tục hải quan là một yêu cầu cấp thiết.

Để góp phần giải quyết vấn đề này, trên cơ sở nghiên cứu lý luận và

thực tiễn trong thời gian công tác tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng, chủ đề “*Một số biện pháp hoàn thiện công tác Quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng*” được lựa chọn làm đề tài luận văn.

2. Mục đích nghiên cứu của luận văn

Luận văn nghiên cứu nhằm đạt được các mục tiêu sau đây:

(1) Hệ thống hóa lý thuyết về quản lý rủi ro hoạt động của tổ chức áp dụng vào thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS;

(2) Phân tích, đánh giá thực trạng, những mặt đã đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng;

(3) Đề xuất các biện pháp để nâng cao tính hiệu quả của công tác quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu là công tác quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS.
- Phạm vi nghiên cứu tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng, số liệu được thu thập trong thời gian 2012-2016 để phân tích đánh giá.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Luận văn được nghiên cứu theo phương pháp nghiên cứu khoa học, được phân tích, đánh giá, so sánh trên cơ sở các thông tin, số liệu thu thập được;
- Số liệu thu thập bao gồm số liệu thứ cấp (các báo cáo, nghiên cứu đã có, liên quan) và số liệu sơ cấp qua điều tra, phỏng vấn các cá nhân và bộ phận có liên quan để phân tích;

- Trong phân tích luận văn được nghiên cứu theo trật tự logic, đi từ cơ sở lý luận đến thực tiễn, chỉ ra sự khác biệt giữa lý luận và thực tiễn và đưa ra các giải pháp để thu hẹp khoảng cách này.

5. Kết cấu của luận văn

Kết cấu của luận văn ngoài phần mở đầu và phần kết luận gồm ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý rủi ro trong tổ chức.

Chương 2: Thực trạng quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.

Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện công tác quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ RỦI RO TRONG TỔ CHỨC

1.1. Khái niệm rủi ro, quản lý rủi ro và nguyên tắc trong quản lý rủi ro

1.1.1. Khái niệm về rủi ro

Trong thực tế, cả về phương diện lý thuyết cũng như trong thực tế quản lý, có những khái niệm khác nhau về rủi ro. Thực chất nói về rủi ro, không có một định nghĩa duy nhất, rủi ro có thể là: Sự cố/điều có thể xảy ra ngoài mong đợi, không mong muốn, khả năng xảy ra một sự cố không may, sự không thể đoán trước về kết quả, sự không chắc chắn về tồn thất.

Rủi ro là toàn bộ biến cố ngẫu nhiên tiêu cực tác động đến quá trình hoạt động kinh doanh làm thay đổi kết quả theo chiều hướng bất lợi. Rủi ro cũng là khả năng sai lệch xảy ra giữa giá trị thực tế và kỳ vọng, kết quả sai lệch càng lớn thì rủi ro càng nhiều.

Rủi ro trong lĩnh vực hải quan có thể phân chia thành hai dạng chủ yếu: rủi ro khách quan và rủi ro chủ quan. Rủi ro khách quan được đánh giá qua biểu hiện của một số đặc tính tự nhiên của hàng hóa cùng với sự kết hợp của phân loại, thuế XNK, xuất xứ hàng hóa, phương tiện vận tải, phương thức vận chuyển, đóng gói... là đối tượng cho hành vi vi phạm PLHQ. Ví dụ như hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu hoặc hàng hóa có thuế suất nhập khẩu cao,... Rủi ro chủ quan được đánh giá qua biểu hiện của các yếu tố liên quan như nhà XK, NK, hàng vận chuyển, đại lý khai hải quan... Các yếu tố chủ quan được nhận biết từ sự kết hợp của các yếu tố cho phép đặc trưng hàng hóa và có tính chất xác định các hành vi liên quan trong hoạt động; đặc biệt là các chủ thể tham gia trực tiếp như nhà nhập khẩu, đại lý hải quan... Ví dụ như doanh nghiệp thường xuyên thay đổi địa bàn hoạt động, doanh nghiệp nhiều lần vi phạm PLHQ,...

Tiếp cận từ mục tiêu của ngành Hải quan, có thể phân chia rủi ro thành hai loại chủ yếu, là rủi ro cản trở tạo thuận lợi thương mại, thường xuất hiện chủ yếu do hệ thống pháp luật không phù hợp, từ sự cứng nhắc của cơ quan Hải quan hoặc nảy sinh từ những bất cập, thiếu trách nhiệm hoặc thiếu liên chính của công chức thừa hành; những rủi ro này cản trở rất lớn đến mục tiêu của cơ quan Hải quan, nhưng thường ít được quan tâm hoặc có quan tâm nhưng không đúng mức. Loại rủi ro thứ hai là việc không tuân thủ của tổ chức, cá nhân thực hiện XN, XNC. Đây là vấn đề trọng tâm của chương trình QLRR hướng đến giải quyết. Loại rủi ro này được biết đến như buôn lậu, gian lận thương mại về trị giá, phân loại hàng hóa, giấy phép, hồ sơ, chứng từ hải quan... Để nhận diện, phân loại và tập trung nguồn lực kiểm soát có hiệu quả đối với các rủi ro, cơ quan Hải quan thường phân chia rủi ro thành các lĩnh vực cụ thể, còn gọi là lĩnh vực rủi ro (Risk Areas). Lĩnh vực rủi ro có thể được hiểu là các hoạt động thương mại quốc tế, các lĩnh vực hoạt động hải quan tiềm ẩn rủi ro. Việc phân chia lĩnh vực rủi ro giúp cho việc xác định, phân tích và hệ thống hóa các rủi ro cần quản lý. Một số lĩnh vực rủi ro chủ yếu trong lĩnh vực hải quan thường được xác định (không giới hạn), bao gồm: lĩnh vực vận tải, thương mại quốc tế; khai hải quan; phân loại hàng hóa; trị giá hải quan; chế độ hạn ngạch thuế quan; cơ chế, chính sách quản lý hàng hóa XK, NK; buôn lậu...

1.1.2. Khái niệm về Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro là quá trình xác định các rủi ro và tìm cách quản lý, hạn chế các rủi ro đó xảy ra với tổ chức hay doanh nghiệp.

Trên thế giới, quản lý rủi ro đã được áp dụng và kết quả không chỉ thành công tại “khu vực tư nhân” khi mà các lĩnh vực như bảo hiểm, ngân hàng, thương mại, công nghiệp,... tìm khả năng nắm bắt, tạo ra cơ hội để cải thiện kết quả kinh doanh của mình mà việc áp dụng quản lý rủi ro còn có thể

giúp cho “khu vực công” xác định được những lĩnh vực có rủi ro với mức độ, thang độ nhất định để từ đó hỗ trợ cho việc ra quyết định xử lý rủi ro trong điều kiện phân bổ nguồn lực một cách hợp lý.

Theo bộ tiêu chuẩn *TCVNISO/IEC31010:2013*, khái niệm quản lý rủi ro được hiểu là **“Việc áp dụng một cách hệ thống các thông lệ và thủ tục quản lý nhằm cung cấp thông tin cần thiết để xử lý rủi ro”**[2].¹

Để quản lý rủi ro hiệu quả đòi hỏi có sự cân bằng giữa chi phí và lợi ích, và như vậy, tất yếu sẽ không thể có đủ chi phí để giải quyết tất cả các rủi ro một cách ngang bằng như nhau nên rủi ro cần phải được phân tách thành các loại khác nhau dựa trên mức độ rủi ro có thể chấp nhận được hay không thể chấp nhận được nhằm ứng xử phù hợp với các loại rủi ro khác nhau đó.

1.1.3. Các nguyên tắc trong quản lý rủi ro

Có 7 Bảy nguyên tắc trong quản lý rủi ro (Carnegie Mellon University)

1. Rõ ràng về quan điểm và tầm nhìn của tổ chức, doanh nghiệp
2. Tiếp cận theo quan điểm tiến tiến, hiện đại trong quản trị
3. Thông tin và truyền thông theo hệ thống mở
4. Thực hiện quản trị có hệ thống và phối hợp chặt chẽ
5. Hoạt động theo một quá trình liên tục
6. Có chung tầm nhìn và mục tiêu
7. Tinh thần tập thể, làm việc nhóm

1.2. Quy trình và nội dung quản lý rủi ro

1.2.1. Quy trình quản lý rủi ro

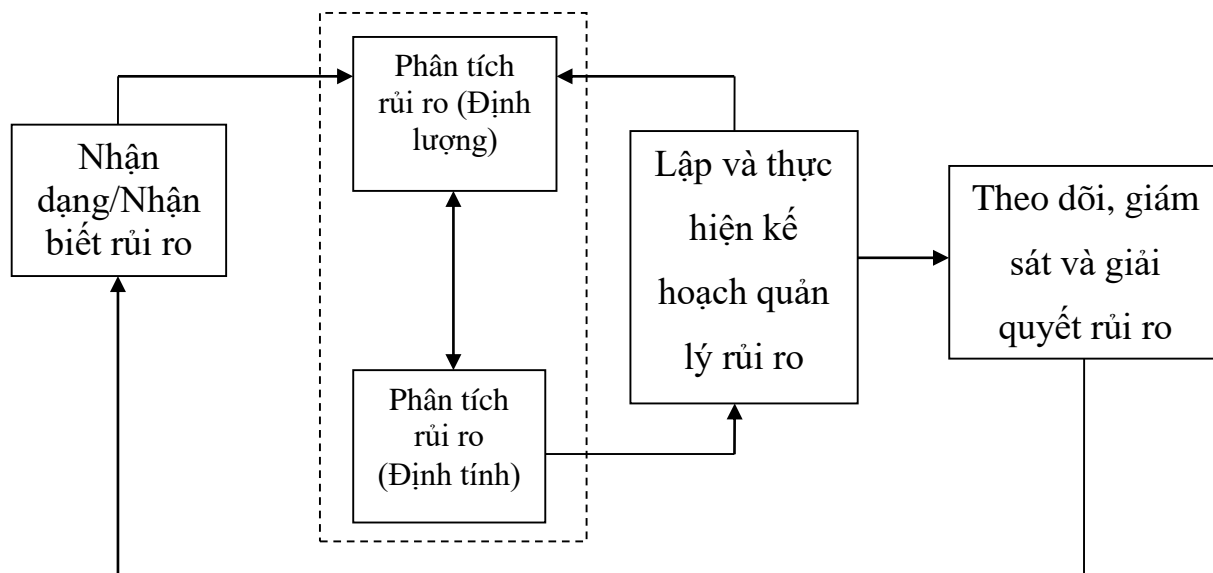
Có thể có những cách khác nhau để quản lý rủi ro một cách có hệ thống và có quy trình, về cơ bản Quy trình quản lý rủi ro được mô tả như dưới đây:

¹ Bộ tiêu chuẩn *TCVNISO/IEC31010:2013*

Sơ đồ 1: Quy trình quản lý rủi ro trong tổ chức

QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG TỔ CHỨC

Quy trình



Như vậy quy trình sẽ bao gồm những nội dung chính được thực hiện theo các bước như sau:

- Nhận dạng rủi ro
- Phân tích rủi ro
- Lập và thực hiện kế hoạch quản lý rủi ro
- Theo dõi, giám sát và giải quyết rủi ro

1.2.2. Nội dung các bước trong quy trình quản lý rủi ro

Quy trình QLRR cần đảm bảo tính hệ thống, liên tục và thống nhất chung để từ đó nhằm tiếp cận và thực hiện phương pháp luận đúng chuẩn mực về hiện thực hóa QLRR. Quy trình này chính là một phương pháp luận có tính chu kỳ lặp theo vòng tròn khép kín, trong đó có những bước công việc được định danh cụ thể, hỗ trợ cho việc đưa ra các quyết định nghiệp vụ thông qua phân tích bản chất của rủi ro, xem xét các tác động có thể của rủi ro, xác định cơ sở cho các quyết định quản lý trong điều kiện hài hòa với các nguồn lực được phân bổ, cũng như với thứ tự ưu tiên của các biện pháp xử lý.

Xây dựng môi trường thông tin - Thiết lập bối cảnh quản lý: Giai đoạn này xác định bối cảnh diễn ra hoạt động quản lý rủi ro, các mục tiêu của việc phân tích các đối tượng quản lý, và những rủi ro cần được quản lý. Việc xác định đối tượng cần quản lý sẽ giúp xây dựng thước đo chuẩn cho toàn bộ quy trình quản lý rủi ro. Kết quả của giai đoạn này sẽ là một báo cáo mô tả môi trường hoạt động của quản lý rủi ro, xác định các tiêu chí và thước đo cho giai đoạn đánh giá rủi ro.

Đánh giá rủi ro - Xác định rủi ro: Bước này chỉ ra và ghi lại tất cả những rủi ro tiềm ẩn thông qua một quy trình mang tính hệ thống, theo đó chỉ ra những rủi ro có thể phát sinh, lý do vì sao và cách thức phát sinh rủi ro, từ đó hình thành cơ sở để phân tích sâu hơn những rủi ro đó. Kết quả xác định được danh mục các rủi ro, phạm vi tác động của rủi ro.

Đánh giá rủi ro - Phân tích rủi ro: Bước này sử dụng dữ liệu và thông tin nhằm lượng hóa các kết quả, hậu quả có thể xảy đến nếu có rủi ro và/hoặc nếu không xác định được rủi ro cụ thể. Kết quả xác định cấp độ dự kiến của rủi ro trên cơ sở định lượng và định tính, hoặc kết hợp cả hai loại trên.

Đánh giá và xếp thứ tự các rủi ro: Giai đoạn này thực hiện việc so sánh các rủi ro đã được đánh giá với các tiêu chí chủ đạo đã được xác định từ trước, sử dụng các nguồn lực theo dự kiến để chuẩn bị hoặc ngăn ngừa hoặc đối phó với rủi ro. Kết quả giai đoạn này là lượng hóa, sắp xếp rủi ro theo các cấp độ của rủi ro, kết nối rủi ro với các đơn vị có thể xảy ra rủi ro để các đơn vị đó có trách nhiệm trong việc tìm cách giảm thiểu rủi ro và theo dõi rủi ro.

Giải pháp xử lý rủi ro: Xử lý rủi ro là việc tìm cách giảm khả năng hoặc hậu quả của rủi ro bằng cách áp dụng các biện pháp kiểm soát và tác nghiệp nhằm thay đổi các mức độ rủi ro để phù hợp với khả năng chấp nhận của cơ quan Hải quan. Tùy thuộc loại rủi ro mà áp dụng phương pháp xử lý rủi ro phù hợp.

Giám sát, rà soát: Theo dõi và rà soát, đánh giá là bước công việc phải thực hiện ở tất cả các giai đoạn trong quy trình quản lý rủi ro nhằm trả lời cho các câu hỏi sau:

- ✚ Các kết luận về rủi ro còn nguyên giá trị hay không?
- ✚ Rủi ro nào mới xuất hiện, đang nổi trội?
- ✚ Tính hiệu quả, hiệu lực của biện pháp xử lý nhằm tối thiểu hóa rủi ro, tối thiểu hóa chi phí?
- ✚ Tính phù hợp của biện pháp kiểm soát chi phí, kiểm soát quản lý?
- ✚ Tính tuân thủ quy định, quy trình của biện pháp xử lý?
- ✚ Hệ thống sẽ có thể được cải tiến nâng cao như thế nào?

Lưu trữ, cung cấp thông tin và tư vấn: Việc cung cấp thông tin và tư vấn với các bên trong ngành hay ngoài ngành cần được thực hiện với mỗi công đoạn cũng như thực hiện đối với toàn bộ quy trình QLRR đảm bảo tính hiệu quả và minh bạch.

1.3. Quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS

1.3.1. Khái niệm thủ tục hải quan

Công ước Kyoto đưa ra khái niệm về thủ tục hải quan: "Thủ tục hải quan là tất cả các hoạt động tác nghiệp mà bên hữu quan và hải quan phải thực hiện nhằm đảm bảo sự tuân thủ của luật hải quan".

Theo Khoản 6 Điều 4 Luật Hải quan: "Thủ tục hải quan là các công việc mà người khai hải quan và công chức hải quan phải thực hiện theo qui định của Luật này đối với hàng hoá, phương tiện vận tải".

1.3.2. Khái niệm thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS

Theo khoản 1 Điều 4 Nghị định 87/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ: “Thủ tục hải quan điện tử là thủ tục hải quan trong đó việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan”.

Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan là hệ thống thông tin do Tổng cục Hải quan quản lý để thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

Hệ thống khai hải quan điện tử là hệ thống thông tin phục vụ cho người khai hải quan khai và tiếp nhận thông tin, kết quả phản hồi của cơ quan Hải quan trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

Tờ khai hải quan điện tử là một dạng chứng từ điện tử bao gồm tập hợp các chỉ tiêu thông tin khai của người khai hải quan.

*** Hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS: là hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hiện đang được áp dụng tại tất cả các Cục Hải quan tỉnh, thành phố trên cả nước.**

Hệ thống VNACCS/VCIS là Hệ thống thông quan tự động và Cơ chế một cửa quốc gia gồm 02 hệ thống nhỏ: (i) Hệ thống thông quan tự động (gọi tắt là Hệ thống VNACCS); (ii) Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin nghiệp vụ (gọi tắt là Hệ thống VCIS). Hệ thống VNACCS/VCIS gồm các phần mềm chủ yếu: Khai báo điện tử (e-Declaration); Manifest điện tử (e-Manifest); Hóa đơn điện tử (e-Invoice); Thanh toán điện tử (e-Payment); C/O điện tử (e-C/O); Phân luồng (selectivity); Quản lý hồ sơ rủi ro/tiêu chí rủi ro; Quản lý doanh nghiệp XNK; Thông quan và giải phóng hàng; Giám sát và kiểm soát.

Hệ thống VNACCS là hệ thống thông quan hàng hóa tự động của Việt Nam (Tên tiếng Anh là Viet Nam Automated Cargo Clearance System). Hệ

thống VNACCS sử dụng cho mục đích thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu. So với hệ thống hiện hành xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước đây, Hệ thống VNACCS có điểm mới là tập trung cả 03 khâu: Khâu trước, trong và sau thông quan. Hệ thống trước đây chỉ tập trung khâu trong và sau thông quan. Toàn bộ khâu trước thông quan trước đây mới chỉ được thực hiện thí điểm trong khuôn khổ Dự án E-manifest, theo đó, hãng tàu phải gửi trước toàn bộ thông tin manifest về hàng hóa trên tàu cho cơ quan Hải quan.

So với hệ thống trước đây, Hệ thống VNACCS mở rộng thêm các chức năng, thủ tục mới, đó là thủ tục đăng ký danh mục miễn thuế, thủ tục áp dụng chung cả hàng mậu dịch và phi mậu dịch, thủ tục đơn giản đối với hàng trị giá thấp, quản lý hàng hóa tạm nhập - tái xuất.

Chức năng khác của Hệ thống VNACCS là tăng cường kết nối với các Bộ, Ngành bằng cách áp dụng Cơ chế một cửa (Single Window). Theo thiết kế, Hệ thống VNACCS có sự kết nối với các Bộ, Ngành. Cơ quan Hải quan sẽ gửi thông tin liên quan đến việc xin cấp phép của các cơ quan chuyên ngành. Kết quả xử lý cấp phép sẽ được thực hiện thông qua Hệ thống.

Tiếp nhận và xử lý phân luồng tự động thông tin khai báo của doanh nghiệp. Hạn chế sử dụng hồ sơ giấy thông qua việc áp dụng chữ ký điện tử. Thời gian xử lý đối với hàng luồng xanh là 1 - 3 giây. Thời gian xử lý đối với luồng vàng và luồng đỏ phụ thuộc vào thời gian kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa.

Hệ thống VNACCS kết nối với nhiều hệ thống công nghệ thông tin của các bên liên quan như: doanh nghiệp kinh doanh kho bãi, cảng, dịch vụ, giao nhận, vận chuyển, ngân hàng, các Bộ, Ngành liên quan.

Về khai báo và xử lý thông tin khai báo trước thông quan: trước thông quan, hệ thống VNACCS hỗ trợ tập trung xử lý thông tin trước khi hàng

đến/khai báo để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát hải quan tại các khâu khai báo.

Một trong những nội dung thay đổi tương đối lớn của Hệ thống VNACCS liên quan đến hàng gia công, sản xuất xuất khẩu và chế xuất. Khi áp dụng Hệ thống VNACCS sẽ thực hiện theo hướng thanh khoản theo từng tờ khai, thực hiện quản lý theo từng phương tiện vận tải. Doanh nghiệp sẽ thực hiện tự khai, tự chịu trách nhiệm và tự thanh khoản. Cơ quan Hải quan chỉ kiểm tra trên cơ sở thông tin quản lý rủi ro đối với việc thanh khoản.

Về xác định trị giá. Hiện tại, Việt Nam áp dụng 06 mẫu Tờ khai trị giá tương ứng với 06 phương pháp xác định trị giá. Khi áp dụng Hệ thống VNACCS cho phép gộp một số chỉ tiêu của tờ khai trị giá theo phương pháp trị giá giao dịch vào tờ khai nhập khẩu. Do đó, về cơ bản, đối với phương pháp trị giá giao dịch không cần phải khai riêng tờ khai trị giá như hiện nay. Để đảm bảo việc thông quan hàng hóa nhanh chóng, những lô hàng có sự nghi vấn về giá sẽ chuyển sang khâu sau thông quan để xác định. Bộ phận nào xử lý việc này sẽ được cân nhắc cụ thể trước khi đưa hệ thống này đi vào vận hành.

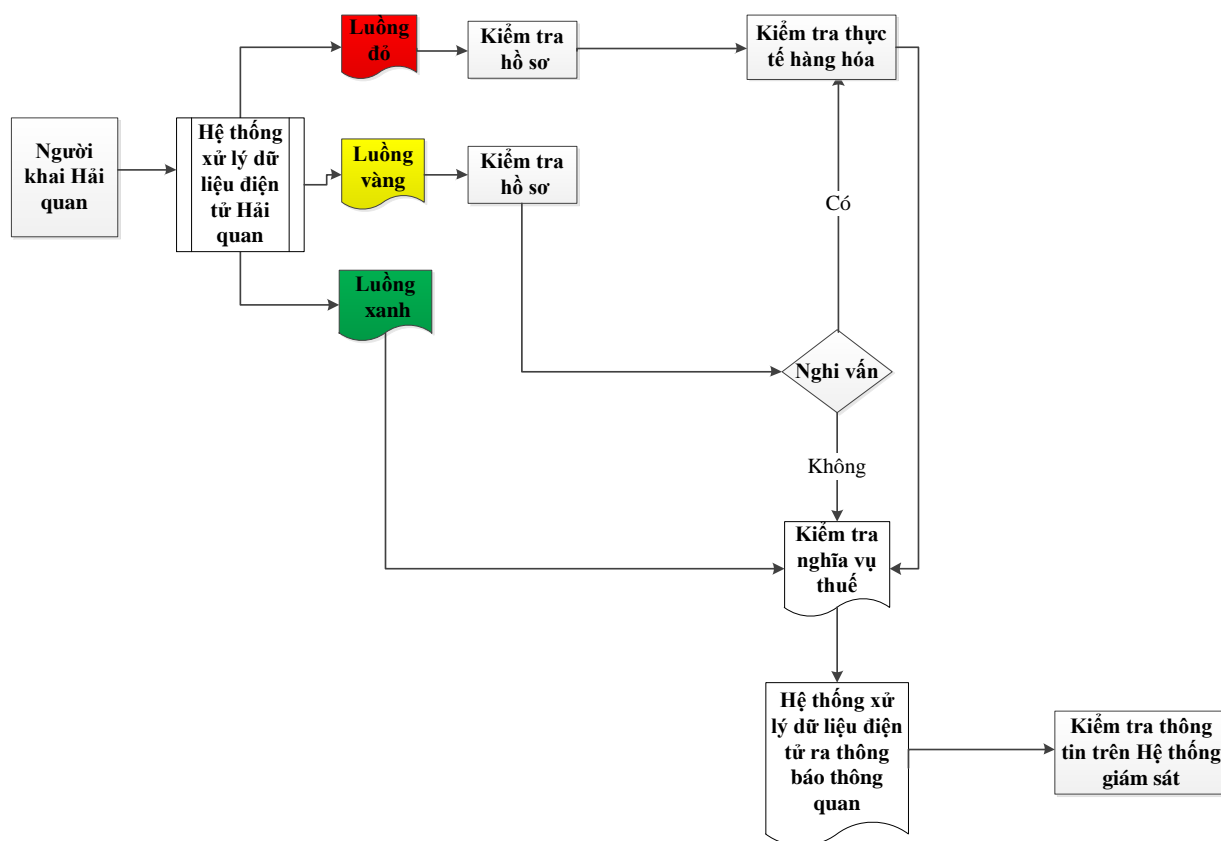
Về giám sát, quản lý hải quan đối với một số loại hình: khi áp dụng Hệ thống VNACCS, hệ thống sẽ được thực hiện theo hướng đơn giản hóa, gom các quy trình thủ tục theo hướng chuyên cửa khẩu, chuyển cảng, quá cảnh,... về loại hình là hàng hóa vận chuyên chịu sự giám sát của hải quan vì bản chất là việc chuyên hàng hóa từ địa điểm này sang địa điểm khác, chịu sự giám sát của hải quan. Hiện tại chưa có loại hình đối với chuyển cảng. Vì vậy, căn cứ theo Công ước Kyoto sửa đổi và thực tiễn của Hải quan các nước, trong dự thảo Luật Hải quan sửa đổi, bổ sung có đưa nội dung này theo hướng doanh nghiệp vận tải chịu trách nhiệm cập nhật thông tin và phản hồi thông tin trên hệ thống về hàng hóa vận chuyên đang chịu sự giám sát của Hải quan tại điểm đi và điểm đến để phục vụ cho việc theo dõi, giám sát của hải quan.

Về chế độ quản lý của hải quan: Theo quy định hiện tại, hiện có khoảng trên 200 mã loại hình xuất khẩu, nhập khẩu. Để đảm bảo và tạo thuận lợi cho việc quản lý hải quan, thống kê và trên cơ sở khuyến nghị của Công ước Kyoto sửa đổi, Hệ thống VNACCS thực hiện chuẩn hóa các chế độ quản lý hải quan với khoảng 40 mã loại hình xuất khẩu, nhập khẩu. Bên cạnh đó, khi thực hiện Hệ thống VNACCS/VCIS sẽ không phân biệt loại hình mậu dịch và phi mậu dịch, sự khác nhau chủ yếu là về mặt chứng từ. Ngoài ra, một số loại hình đặc thù như hàng hóa mang vào, mang ra của cư dân biên giới, hàng an ninh quốc phòng, hàng trị giá thấp sẽ được thực hiện thủ công.

Hiện nay, Hải quan Việt Nam nói chung và Cục Hải quan thành phố Hải Phòng thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo thông tư 22/2014/TT-BTC ngày 14/02/2014 của Bộ Tài chính Quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu nhập khẩu thương mại và quyết định 988/QĐ-TCHQ ngày 28/03/2014 của Tổng cục Hải quan về Quy trình thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại.

Sơ đồ 2: Quy trình thủ tục hải quan điện tử theo

Quyết định 988/QĐ-TCHQ



Các bước của Quy trình

Bước 1: Tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, phân luồng tờ khai

Bước này do Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động tiếp nhận, kiểm tra, cấp số đăng ký, phân luồng tờ khai điện tử theo một trong các hình thức sau:

- Chấp thông tin khai tờ khai hải quan điện tử, miễn kiểm tra hồ sơ và miễn kiểm tra thực tế hàng hoá (**luồng xanh**)
- Yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan để kiểm tra (**luồng vàng**)
- Yêu cầu xuất trình, nộp chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan và hàng hoá để kiểm tra (**luồng đỏ**)

Bước 2: Kiểm tra hồ sơ hải quan

Bước 3: Kiểm tra thực tế hàng hoá

Bước 4: Quản lý, hoàn chỉnh hồ sơ.

Bước 5: Quản lý hàng hoá qua khu vực giám sát hải quan

Quy trình thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá XNK gồm 5 bước cơ bản như trên, thủ tục hải quan điện tử đối với từng lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu cụ thể tùy theo kết quả phân luồng của Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử có thể trải qua đủ 5 bước hoặc chỉ trải qua một số bước nhất định của Quy trình; trường hợp *luồng xanh*, Hệ thống chuyển tờ khai hải quan sang Bước 4 của Quy trình; các luồng còn lại Hệ thống chuyển tờ khai sang Bước 2 Quy trình và các bước tiếp theo.

So với Quy trình thủ tục hải quan điện tử trước đây thì Quy trình theo Quyết định 988/QĐ-TCHQ là một là một bước cải cách lớn về thủ tục hải quan, giảm lược rất nhiều các công việc trong quy trình nghiệp vụ, rõ rệt nhất đối với tờ khai *luồng xanh*. Trước đây, tờ khai được phân luồng xanh, công chức hải quan nơi đăng ký tờ khai phải kiểm tra hoàn thành nghĩa vụ thuế, xác nhận thông quan trên Hệ thống, nhưng theo Quy trình theo Quyết định 988/QĐ-TCHQ tờ khai phân luồng xanh, hệ thống tự động kiểm tra hoàn thành nghĩa vụ thuế và quyết định thông quan.

1.3.3. Quy trình và nội dung quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS

1.3.3.1. Khái niệm về rủi ro trong ngành Hải quan

Theo Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO) “*Hải quan* là cơ quan của Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Luật Hải quan và thu thuế hải quan và thuế khác đồng thời cũng chịu trách nhiệm thi hành các luật khác có liên quan đến việc nhập khẩu, xuất khẩu, vận chuyển hoặc lưu kho hàng hóa”[18]².

²Công ước Kyoto

Theo Điều 4, Luật Hải quan năm 2014 thì rủi ro Hải quan là “nguy cơ không tuân thủ pháp luật về hải quan trong việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải” [20]³.

1.3.3.2. Khái niệm quản lý rủi ro trong ngành Hải quan

Theo tổ chức Hải quan thế giới WCO, quản lý rủi ro hải quan được hiểu là “việc áp dụng có hệ thống các thủ tục quản lý và thông lệ mang đến cho Hải quan những thông tin cần thiết để giải quyết vấn đề vận chuyển hàng hoá hoặc lô hàng đặt ra vấn đề rủi ro” [22]⁴. Khi áp dụng quản lý rủi ro như một nguyên lý quản lý thì có thể giúp cho Hải quan không chỉ thực hiện trách nhiệm của mình một cách hiệu quả mà còn giúp cho cơ quan Hải quan tổ chức và triển khai nguồn lực theo hướng cải thiện toàn bộ hoạt động của mình.

Tại Việt Nam, theo các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn dưới Luật, quản lý rủi ro hải quan được hiểu là “việc áp dụng có hệ thống các quy định pháp luật, các quy trình, biện pháp nghiệp vụ để xác định, đánh giá và phân loại các rủi ro có tác động tiêu cực đến hiệu lực, hiệu quả quản lý hải quan, quản lý thuế, làm cơ sở để cơ quan hải quan phân bổ hợp lý nguồn lực, áp dụng hiệu quả các biện pháp quản lý hải quan, quản lý thuế” [5]⁵

1.3.3.3. Nguyên tắc quản lý rủi ro trong ngành Hải quan

Nguyên tắc áp dụng QLRR trong hoạt động nghiệp vụ hải quan là để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật hải quan, pháp luật thuế trong quản lý đối với hàng hoá XNK, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, đồng thời khuyến khích, tạo

³ Luật HQ

⁴ Cẩm nang QLRR

⁵ Thông tư 175/2013/TT-BTC

thuận lợi đối với người thực hiện XNK, xuất cảnh, nhập cảnh tuân thủ tốt pháp luật trong lĩnh vực này.

Một là, các biện pháp, kỹ thuật nghiệp vụ quản lý rủi ro phải được tiến hành để dự báo trước các nguy cơ vi phạm pháp luật về hải quan nhằm chủ động áp dụng có hiệu quả các biện pháp nghiệp vụ cần thiết theo quy định của pháp luật đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh.

Hai là, việc thực hiện các kỹ thuật quản lý rủi ro được dựa trên cơ sở áp dụng chỉ số hóa, tiêu chí hóa và các thông tin quản lý rủi ro có trên hệ thống thông tin của ngành Hải quan, thông tin dấu hiệu vi phạm, dấu hiệu rủi ro.

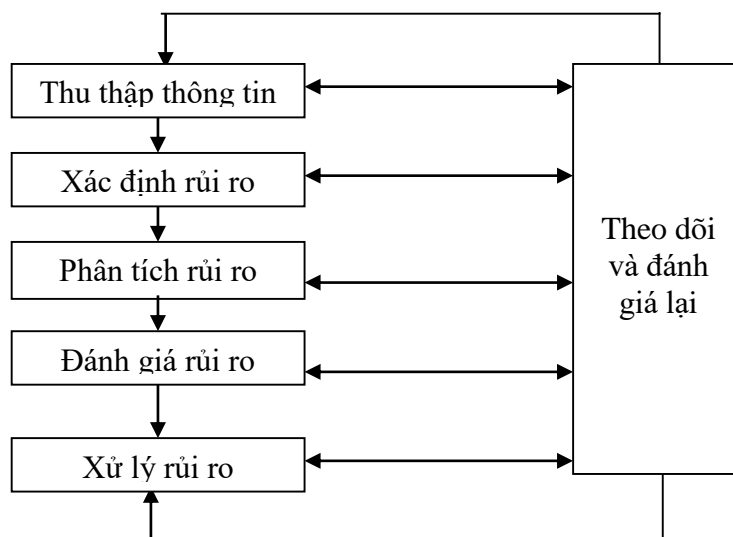
Ba là, căn cứ vào bộ tiêu chí lựa chọn để quyết định kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan đối với hoạt động xuất nhập khẩu trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật quản lý chuyên ngành, mức độ tuân thủ pháp luật của người khai hải quan, kết hợp với việc xem xét mức độ rủi ro của hàng hóa xuất nhập khẩu và các yếu tố khác liên quan.

Bốn là, việc công chức hải quan đã thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời các quy định của pháp luật, nội dung tại Quy định của ngành và các quy định, hướng dẫn về quản lý rủi ro theo phân cấp thì được miễn trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật.

1.3.3.4. Quy trình và nội dung quản lý rủi ro

1.3.3.4.1. Quy trình quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS

Sơ đồ 3: Quy trình quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS



Như vậy, Quy trình quản lý rủi ro gồm 6 bước lặp đi, lặp lại:

Thu thập thông tin là những thông tin dữ liệu được thu thập liên quan đến hoạt động XNK, quá cảnh và tổ chức cá nhân tham gia các hoạt động này.

Nội dung thu thập gồm:

- Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải.
- Các tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài là đối tác hoặc có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải.
- Nơi xuất xứ hàng hóa nhập khẩu.
- Thông tin và chính sách quản lý của cơ quan quản lý nhà nước đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Chính sách ưu đãi trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; chính sách ưu đãi về hạn ngạch thuế quan của Nhà nước Việt Nam hoặc giữa Việt Nam với các quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc khu vực trên thế giới.

- Quy trình thủ tục hải quan và các hoạt động liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.
- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh.
- Hồ sơ hải quan.
- Trị giá hải quan.
- Phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
- Tuyên đường vận chuyển hàng hóa.v.v

Xác định rủi ro là việc thu thập, phân tích thông tin để tìm ra nguy cơ không tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế trong hoạt động XNK, quá cảnh.

- Xác định và lập danh sách doanh nghiệp, hàng hóa (đối tượng rủi ro) có nguy cơ vi phạm hoặc bị lợi dụng vi phạm theo từng rủi ro được xác định.
- Phân tích, xác định các thông tin liên quan đến rủi ro và đối tượng rủi ro.
- Phân tích, làm rõ nguyên nhân, điều kiện dẫn đến các vi phạm pháp luật về hải quan, các biện pháp kiểm tra, kiểm soát đã và đang được áp dụng, hiệu quả của biện pháp này.

Phân tích rủi ro là việc sử dụng kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng và ứng dụng công nghệ thông tin để dự đoán tần suất và hậu quả của rủi ro. Điều này được thực hiện bằng cách phân tích mối quan hệ giữa khả năng xảy ra rủi ro và những hậu quả có thể có khi rủi ro xảy ra. Kết quả của mối quan hệ này cho ta biết cấp độ của mỗi rủi ro được xác định, cho phép so sánh và lập mức ưu tiên cho tất cả rủi ro. Sự kết hợp bước phân tích rủi ro với các bước khác trong quy trình sẽ đem lại hiệu quả hơn cho công tác phân tích rủi ro. Đây là một bước quan trọng trong quy trình quản lý rủi ro, trong đó những rủi ro được đánh giá (đo, so sánh và xác lập mức ưu tiên) để có những hành động thích hợp.

Đánh giá rủi ro là việc xem xét một cách có hệ thống các rủi ro đã được phân tích, đối chiếu với tiêu chí quản lý rủi ro và những rủi ro đã được xử lý trước đó để xác định tính cấp thiết của việc xử lý rủi ro.

Quá trình đánh giá phải căn cứ vào các yếu tố sau:

- Mức độ rủi ro được xác định từ kết quả phân tích rủi ro.
- Các rủi ro đã được xử lý trước đó.
- Sự cần thiết xử lý đối với rủi ro và kiểm soát đối tượng rủi ro.
- Khả năng về nguồn lực và các điều kiện cần thiết đảm bảo cho việc kiểm tra, kiểm soát có hiệu quả đối với rủi ro.
- Tác động ảnh hưởng của quá trình xử lý rủi ro và kiểm soát đối tượng rủi ro

Kết quả đánh giá rủi ro và đối tượng rủi ro cho phép xếp hạng cấp độ ưu tiên xử lý (sự cần thiết phải áp dụng kiểm tra, kiểm soát) đối với rủi ro và đối tượng rủi ro.

Việc xếp hạng cấp độ ưu tiên xử lý rủi ro và đối tượng rủi ro giúp cho việc ưu tiên nguồn lực, biện pháp tập trung vào việc xử lý đối với cá rủi ro có tính cấp thiết hơn trong từng giai đoạn cụ thể.

Xử lý rủi ro là việc cơ quan hải quan áp dụng các biện pháp quản lý hải quan, quản lý thuế để phòng ngừa, ngăn chặn hoặc làm giảm thiểu tần suất và hậu quả của rủi ro. Đánh giá các phương án xử lý rủi ro thực chất là việc xác định cách xử lý rủi ro thích hợp nhất

Theo dõi và đánh giá lại là quá trình theo dõi đánh giá, phản hồi thông tin về quá trình thực hiện quản lý rủi ro. Việc đánh giá này nhằm mục đích hiểu rõ về quá trình hoạt động để phục vụ việc điều chỉnh hoạt động trong các bước của quy trình cho phù hợp, hiệu quả.

1.3.3.4.2. Nội dung áp dụng quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS

Cơ quan hải quan xây dựng tiêu chí quản lý rủi ro (là các các tiêu chuẩn được ban hành), ứng dụng hệ thống thông tin nghiệp vụ làm cơ sở đánh giá rủi ro, đánh giá tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế của người thực hiện XNK, quá cảnh để áp dụng các các biện pháp kiểm tra, đảm bảo kiểm soát việc tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế, đồng thời tạo thuận lợi cho hoạt động XNK.

Tiêu chí quản lý rủi ro là lòng cốt, trái tim của thủ tục hải quan điện tử, tiêu chí quản lý rủi ro bao gồm:

- *Tiêu chí quy định* được xây dựng dựa trên các quy định về chế độ, chính sách quản lý hải quan, quản lý thuế đối với hàng hoá XNK, quá cảnh, phương tiện vận tải XNC, quá cảnh;
- *Tiêu chí phân tích* do công chức hải quan xây dựng dựa trên kết quả thu thập, xử lý thông tin nghiệp vụ, phân tích đánh giá rủi ro về đối tượng trọng điểm có nguy cơ vi phạm pháp luật hải quan, pháp luật thuế;
- *Tiêu chí tính điểm* là việc sử dụng các thuật toán và các tham số trên hệ thống thông tin nghiệp vụ để tính điểm, phân loại mức độ rủi ro về một đối tượng cụ thể;
- *Tiêu chí lựa chọn ngẫu nhiên* là việc áp dụng phép toán xác suất, thống kê dựa trên các chỉ số liên quan để lựa chọn ngẫu nhiên các đối tượng kiểm tra theo tỷ lệ nhất định để đánh giá tuân thủ.

Trong các tài liệu hướng dẫn về quản lý rủi ro của Tổ chức Hải quan thế giới và Hải quan các nước thì thuật ngữ “Risk Profile” được dùng phổ biến trong hoạt động quản lý rủi ro và phản ánh đầy đủ các thuộc tính của hồ sơ tài liệu về rủi ro. Thuật ngữ trên có thể dịch là mô tả hiện trạng rủi ro. Tuy nhiên, theo quy trình quản lý rủi ro thì khái niệm trên không chỉ mô tả hiện trạng rủi

ro mà nó còn bao gồm việc phản ánh kết quả phân tích, đánh giá rủi ro, biện pháp xử lý rủi ro được áp dụng, kết quả theo dõi, đánh giá quá trình xử lý rủi ro cũng như việc điều chỉnh bổ sung các dấu hiệu về rủi ro và chúng được xây dựng và quản lý dưới dạng tài liệu giấy hoặc dữ liệu điện tử.

Qua đó, hồ sơ rủi ro hải quan có thể được hiểu là sản phẩm đầu ra quy trình quản lý rủi ro, nó là kết quả quá trình xác định, phân tích, đánh giá và xử lý rủi ro nên tổng hợp các hồ sơ rủi ro sẽ thể hiện được bức tranh tổng thể về rủi ro trong hoạt động hải quan, từ đó củng cố và tạo cơ sở cho việc quyết định áp dụng các biện pháp quản lý thông qua việc phổ biến các dấu hiệu rủi ro đến các đơn vị tác nghiệp cũng như việc cập nhật các dấu hiệu này vào hệ thống thông tin nghiệp vụ nhằm xác định đối tượng rủi ro.

Trước đây, hồ sơ rủi ro hải quan được hiểu là “tập hợp thông tin, dữ liệu về quá trình xác định, phân tích, đánh giá, xử lý đối với một rủi ro cụ thể, được lưu trữ dưới dạng văn bản hoặc dữ liệu điện tử, nhằm phục vụ quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan” [13]⁶. Hiện nay, khái niệm về hồ sơ rủi ro đã hướng tới đối tượng, phạm vi áp dụng cụ thể hơn, đó là “tập hợp các thông tin, dữ liệu về đối tượng rủi ro hoặc tình huống xuất hiện rủi ro (tình huống rủi ro), được lưu trữ dưới dạng văn bản hoặc dữ liệu điện tử để phục vụ theo dõi, quản lý và xác định trọng điểm kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các biện pháp nghiệp vụ khác đối với hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh”[12]⁷.

Cơ quan hải quan áp dụng QLRR trong thủ tục HQĐT để đánh giá rủi ro, đánh giá tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế của người thực hiện XK, NK, quá cảnh để áp dụng phù hợp các biện pháp kiểm tra hải quan, đảm

⁶Quyết định số 48/2008/QĐ-BTC, ngày 04/07/2008, của Bộ trưởng Bộ Tài chính

⁷Quyết định số 464/QĐ-BTC ngày 29/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

bảo kiểm soát việc tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế và pháp luật liên quan, đồng thời tạo thuận lợi cho hoạt động XNK, bao gồm:

1. Kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai hải quan đối với hàng hoá XNK, quá cảnh.

- Xác định tính đầy đủ, hợp lệ của các thông tin trên tờ khai hải quan;
- Xác định sự phù hợp của các thông tin về chính sách quản lý, chính sách thuế;
- Đánh giá điều kiện thực hiện XNK, quá cảnh của người khai hải quan theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm tra việc tuân thủ chế độ chính sách theo quy định của pháp luật hải quan, pháp luật thuế đối với hàng hoá XNK, quá cảnh.

- Thông tin cấp phép, danh mục hàng hoá quản lý chuyên ngành;
- Thông tin giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá;
- Danh mục mã số hàng hoá cấm XK, NK, tạm ngừng XK, NK;
- Danh mục mã số hàng hoá theo Biểu thuế suất xuất khẩu, nhập khẩu, Biểu thuế suất thuế giá trị gia tăng, Biểu thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt và các Biểu thuế và lệ phí khác.

3. Kiểm tra điều kiện áp dụng thời hạn nộp thuế, bảo lãnh tiền thuế phải nộp đối với hàng hoá XNK.

4. Áp dụng biện pháp kiểm tra hải quan trong thủ tục hải quan đối với hàng hoá XNK, quá cảnh.

Tổng cục Hải quan ban hành, quản lý, áp dụng thống nhất Danh mục hàng hóa rủi ro. Danh mục hàng hóa rủi ro được cập nhật, quản lý trên hệ thống thông tin quản lý rủi ro; thường xuyên được theo dõi đánh giá, sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tế quản lý hoạt động xuất nhập khẩu. Đơn vị Hải quan các cấp sử dụng danh mục hàng hóa rủi ro làm nguồn thông tin để phân tích đánh giá rủi ro, hỗ trợ quyết định áp dụng các biện pháp nghiệp vụ hải

quan. Không sử dụng danh mục hàng hóa rủi ro làm căn cứ duy nhất để quyết định kiểm tra hải quan, kiểm tra sau thông quan, thanh tra đối với hoạt động xuất nhập khẩu [6]⁸.

- Kiểm tra chi tiết hồ sơ hải quan (**luồng vàng**): kiểm tra các loại chứng từ cần phải kiểm tra theo quy định của pháp luật;

- Kiểm tra thực tế hàng hoá (**luồng đỏ**)

5. *Áp dụng biện pháp kiểm tra hải quan đối với hàng hoá đưa vào, đưa ra kho ngoại quan và các khu vực phi thuế quan.*

6. *Áp dụng chính sách ưu tiên, chế độ chính sách quản lý hải quan, quản lý thuế trong hoạt động XNK, quá cảnh.*

- Hàng hoá XK, NK quá cảnh được miễn kiểm tra chi tiết hồ sơ hải quan, miễn kiểm tra thực tế hàng hoá khi tiến hành thủ tục hải quan (**luồng xanh**)

Tóm lại, từ các phân tích trên cho chúng ta thấy rằng QLRR là việc một tổ chức tiến hành các hoạt động liên quan đến rủi ro theo một trình tự logic nhất định, có tính toán, theo dõi, quản lý chặt chẽ bằng cách lấy việc đánh giá sự việc không chắc chắn và khả năng về các sự kiện hoặc trường hợp trong tương lai (dự định hoặc ngoài ý muốn) xảy ra và tác động của chúng lên trên các mục tiêu đã thoả thuận; đó là việc áp dụng các phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ để thu thập các thông tin về rủi ro, phân tích, đánh giá, xác định rủi ro và đưa ra cảnh báo về rủi ro đó giúp cho chủ thể phòng tránh hoặc giảm thiểu rủi ro. QLRR bao gồm nhiều nghiệp vụ khác nhau có liên quan, thứ nhất là tính nghiệp vụ: tùy từng ngành, từng lĩnh vực mà nghiệp vụ quản lý rủi ro có nội dung khác nhau nhưng vẫn có tính chung đó là các nghiệp vụ được chuyên môn hoá; thứ 2 là tính toàn diện: QLRR đòi hỏi phải xem xét mọi thông tin, mọi khía cạnh liên quan đến rủi ro; thứ 3 là QLRR luôn gắn với thông tin: Thông tin liên quan đến rủi ro là quan trọng nhất, việc áp dụng các

⁸Quyết định số 464/QĐ-BTC ngày 29/6/2015

ng nghiệp vụ quản lý rủi ro và kết quả của quá trình quản lý rủi ro chịu sự quyết định của thông tin.

Như vậy có thể nói rằng: QLRR trong hoạt động nghiệp vụ hải quan nói chung và trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS cũng không nằm ngoài khái niệm và quy trình chung về QLRR của một tổ chức, đó là việc cơ quan hải quan áp dụng có hệ thống các quy định pháp luật, các quy trình, biện pháp nghiệp vụ để xác định, đánh giá và phân loại các rủi ro có tác động tiêu cực đến hiệu lực, hiệu quả quản lý hải quan, quản lý thuế, làm cơ sở để cơ quan hải quan phân bổ hợp lý nguồn lực, áp dụng các biện pháp quản lý hải quan, quản lý thuế đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại phát triển.

1.3.3.5. Các loại rủi ro trong thủ tục hải quan điện tử.

Hải quan là một lĩnh vực rất nhạy cảm và chứa đựng nhiều rủi ro. Điều đó có thể thấy với các nguy cơ sau:

- Nguy cơ không tuân thủ quy trình, quy định trong thực hiện thủ tục hải quan, thủ tục thuế, kiểm tra, giám sát hải quan.
- Nguy cơ không tuân thủ chính sách quản lý hàng hoá XNK, quá cảnh.
- Nguy cơ không tuân thủ pháp luật thuế trong quản lý hải quan đối với hàng hoá XNK
- Nguy cơ vi phạm về phân loại hàng hoá XNK
- Nguy cơ vi phạm về trị giá hải quan.
- Nguy cơ vi phạm quy định về xuất xứ hàng hoá XNK.
- Nguy cơ vi phạm quy định về kiểm tra chất lượng; kiểm dịch động vật, thực vật; kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm đối với hàng hoá XNK.
- Nguy cơ hàng giả, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động XNK, quá cảnh hàng hoá.

- Nguy cơ vi phạm quy định về môi trường trong hoạt động XNK, quá cảnh hàng hoá.
- Nguy cơ buôn bán, vận chuyển ma tuý, tiền chất.
- Nguy cơ buôn bán vận chuyển vũ khí, chất phóng xạ.
- Nguy cơ buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới.
- Các nguy cơ không tuân thủ pháp luật khác trong quản lý hải quan, quản lý thuế đối với hàng hoá XNK, quá cảnh; phương tiện vận tải XNK, quá cảnh.

1.4. Các yếu tố tác động, ảnh hưởng đến QLRR trong thủ tục hải quan điện tử

1.4.1. Các yếu tố thuộc về Nhà nước

Nhà nước và Chính phủ thực hiện đường lối chính sách mở cửa cùng với hội nhập quốc tế và hiện đại hóa thủ tục hải quan sẽ thúc đẩy hoạt động thương mại và nâng cao chất lượng cũng như hiệu quả quản lý rủi ro trong lĩnh vực Hải quan. Cùng với đó, các chính sách thúc đẩy xuất nhập khẩu hay bảo hộ hàng trong nước cũng ảnh hưởng đến quản lý rủi ro của ngành Hải quan.

Hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước ở mức cao sẽ tạo môi trường tốt khuyến khích doanh nghiệp tuân thủ pháp luật nói chung, pháp luật về Hải quan nói riêng. Ngược lại, một Nhà nước không thể quản lý xã hội theo luật một cách nghiêm minh sẽ là mảnh đất tươi tốt cho rủi ro không tuân thủ trong lĩnh vực Hải quan phát triển đến mức làm vô hiệu hóa hiệu quả quản lý rủi ro. Bởi khi hành vi không tuân thủ pháp luật trở thành phổ biến thì việc tuân thủ pháp luật trở thành rủi ro.

Đặc thù riêng của ngành Hải quan: có truyền thống lâu dài, được tổ chức theo nguyên tắc tập trung từ trung ương đến địa phương với sự đầu tư công nghệ, kỹ thuật hiện đại và có sự hợp tác quốc tế với nhiệm vụ quan trọng nhất là thực hiện kiểm tra, giám sát hàng hoá, phương tiện vận tải; phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới; tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; thống kê hàng

hoá xuất khẩu, nhập khẩu; kiến nghị chủ trương, biện pháp quản lý Nhà nước về Hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và chính sách thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu. Do đó nó được sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước [19]⁹.

1.4.2. Các quy định pháp lý của các tổ chức quốc tế về thủ tục Hải quan

1.4.2.1. Quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)

WTO khuyến khích mọi cải cách thủ tục hải quan theo hướng tạo thuận lợi thương mại giữa các nước. Theo tinh thần đó WTO có hiệp định về thuế quan và hài hoà thủ tục hải quan trong đó quy định các nguyên tắc mà hải quan các nước phải tuân thủ như dựa vào trị giá giao dịch để xác định trị giá tính thuế, không sử dụng thủ tục hải quan để cản trở không cần thiết hoạt động thương mại, nguyên tắc không phân biệt đối xử khi tiến hành thủ tục hải quan đối với hàng hoá của các nước khác nhau, WTO khuyến nghị các nước áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro khi làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu. Đây cũng là thuận lợi để Hải quan triển khai áp dụng kỹ thuật QLRR trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS.

1.4.2.2. Quy định của các tổ chức quốc tế khác

****Ảnh hưởng của những quy định của Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) đến áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro vào hoạt động Hải quan.***

APEC là một tổ chức rộng lớn có ảnh hưởng quan trọng đến kinh tế thế giới. Với số lượng 21 thành viên, tổng kim ngạch mậu dịch hàng hóa của APEC đã chiếm tới 50% kim ngạch mậu dịch toàn cầu, APEC được xem là khu vực năng động nhất trên toàn thế giới, APEC trở thành một siêu cường

⁹ Song Minh - Quy trình quản lý rủi ro của Hải quan Liên minh Châu Âu

tiêu thụ mạnh hàng hóa, cũng như một trung tâm sản xuất công nghiệp đứng hàng đầu thế giới.

Một trong những mục tiêu của APEC là thúc đẩy tiến trình tự do hóa thương mại và đầu tư trong khu vực Châu Á- Thái Bình Dương nói riêng và thế giới nói chung. Vì thế, APEC khuyến khích các nước nội khối thực hiện cải cách Hải quan theo các nguyên tắc của WTO, thậm chí đi trước một bước nếu như WTO tiến hành đàm phán quá chậm chạp.

Tuy nhiên, các khuyến nghị của APEC phần lớn mang tính tự nguyện, gây ảnh hưởng chủ yếu thông qua tác động kinh tế và uy tín trong thương mại nên áp lực đòi hỏi áp dụng quản lý rủi ro trong thủ tục Hải quan có đặt ra nhưng không ráo riết như trong WTO.

*** *Ảnh hưởng của những quy định trong Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) đến áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro vào hoạt động Hải quan***

ASEAN hiện đang là một khu vực có tốc độ phát triển nhanh nhất, thu hút được sự chú ý của các siêu cường. Gia đình ASEAN gồm 10 thành viên với diện tích 4,5 triệu km, với 505 triệu dân và 731 tỷ USD GDP.

Mục đích của AFTA là thực hiện tự do hóa thương mại trong khu vực, tăng cường thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào khu vực bằng việc đưa ra thị trường thống nhất và làm cho ASEAN thích nghi với những điều kiện kinh tế quốc tế đang thay đổi, đặc biệt là việc phát triển những thỏa thuận thương mại khu vực thế giới.

Để biến ASEAN thành khu vực mậu dịch tự do các nước đã ký Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT), trong đó, ngoài mục tiêu giảm thuế suất thuế nhập khẩu đối với đa số các mặt hàng nhập khẩu giữa các nước ASEAN xuống còn 0- 5%, còn khuyến nghị các nước tích cực hài hòa thủ tục Hải quan với nhau, trong đó các yêu cầu về áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro được nhấn mạnh

1.4.3. Các yếu tố thuộc về cơ quan Hải quan

Bản thân ngành Hải quan cũng có những tác động không nhỏ đến QLRR.

Ngành Hải quan là một cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, do vậy, trong việc áp dụng quản lý rủi ro vào hoạt động Hải quan, nếu cơ quan này tích cực và ưu tiên cho việc áp dụng những thành tựu kỹ thuật mới thì sẽ cho hiệu quả tốt, ngược lại nếu thực hiện theo chiều lệ hoặc hình thức thì dẫn đến sự trì trệ và gây ra những tổn thất cho nền kinh tế;

Chất lượng nguồn nhân lực của ngành Hải quan: thái độ và sự thành thạo nghiệp vụ quản lý rủi ro của nhân viên Hải quan quyết định mức độ thành công của quản lý rủi ro. Cán bộ Hải quan phải được đào tạo để có trình độ chuyên môn để áp dụng được những ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, các máy móc hiện đại, thu thập thông tin và phân tích, đánh giá thông tin ở trình độ cao. Thái độ nhân viên đối với công việc cũng ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả của việc quản lý rủi ro;

Cơ sở vật chất kỹ thuật: ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình quản lý rủi ro. Hiện nay, khoa học kỹ thuật phát triển như vũ bão, quản lý rủi ro theo các giác độ: mức độ phủ khắp của mạng lưới thông tin điện tử; khả năng truy cập và xử lý nhanh không có lỗi, khả năng nối mạng và phối hợp với các cơ quan khác trong thu thập và sử dụng thông tin; khả năng thiết lập mạng lưới thu thập thông tin ở nước ngoài... Phạm vi và mức độ chính xác của quản lý rủi ro trong quy trình thủ tục Hải quan phụ thuộc vào mức độ đầy đủ và cập nhật của thông tin do cơ sở vật chất của Hải quan đem lại. Cơ sở kỹ thuật càng hiện đại thì hiệu quả quản lý rủi ro càng cao.

1.4.4. Các yếu tố thuộc về doanh nghiệp

Số lượng, quy mô, tính chất và mức độ đa dạng của doanh nghiệp tham gia ngoại thương ảnh hưởng lớn đến áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro trong quy

trình thủ tục Hải quan. Số lượng doanh nghiệp nhiều đòi hỏi lượng thông tin cập nhật nhiều gây áp lực cho hệ thống bảo đảm thông tin của Hải quan. Quy mô doanh nghiệp khác nhau cũng đòi hỏi phương thức xử lý khác nhau. Với các doanh nghiệp lớn, chi phí Hải quan có thể giảm trên đầu sản phẩm thông quan. Quy mô doanh nghiệp nhỏ dẫn đến lượng hàng thông quan manh mún gây khó khăn cho quản lý Hải quan nói chung, áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro nói riêng. Tính đa dạng của doanh nghiệp cũng đòi hỏi cơ quan Hải quan phải thu thập nhiều thông tin đa dạng hơn, trang bị nhiều kỹ năng, phương tiện hơn...Ngoài ra, hệ thống doanh nghiệp chưa phát triển ổn định, số lượng doanh nghiệp biến động nhiều cũng là yếu tố gây khó khăn cho QLRR.

Mặt khác, thái độ của thương gia cũng như đạo đức kinh doanh của họ cũng ảnh hưởng đến chất lượng quản lý rủi ro. Một thương gia hoạt động tuân thủ pháp luật, kinh doanh trong sạch với khối lượng hàng hóa lớn thì việc áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro cũng dễ dàng hơn.

1.4.5. Các yếu tố thuộc về hàng hóa xuất, nhập khẩu

Quy mô hàng hóa, chất lượng và khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu có ảnh hưởng đến việc thu thập thông tin và quản lý hàng hóa. Khối lượng hàng hóa lớn, chủng loại hàng hóa đa dạng thì sẽ tạo ra việc quản lý rủi ro càng khó khăn hơn. Mặt khác, việc quy định danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu hiện nay còn nhiều bất cập; chủng loại hàng hóa, xuất xứ hàng hóa thực thi theo những chế độ thuế quan khác nhau ...làm cho quản lý rủi ro trở nên phức tạp hơn.

1.4.6. Các yếu tố thuộc về thị trường thế giới

Thị trường thế giới hiện nay có nhiều biến động, xu thế toàn cầu hóa buộc các nước phải hợp tác cùng nhau nhiều hơn nữa trong lĩnh vực Hải quan dẫn đến quản lý rủi ro ngày càng được chú trọng và không ngừng phát triển để theo kịp sự phát triển của thương mại quốc tế. Sự hình thành khu vực mậu

dịch tự do là một nhân tố ảnh hưởng tích cực đến việc khuyến khích hải quan các nước áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro. Bởi vì trong khu vực mậu dịch tự do, các nước đồng ý để loại trừ thuế quan, hạn ngạch và ưu đãi trong phần lớn trao đổi thương mại hàng hóa và dịch vụ giữa các quốc gia. Khi một nước tiến hành áp dụng quản lý rủi ro vào hoạt động Hải quan thì bắt buộc các nước còn lại cũng phải thực hiện.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ RỦI RO TRONG THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ VÀ THÔNG QUAN TỰ ĐỘNG VNACCS/VCIS TẠI CỤC HẢI QUAN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

2.1. Giới thiệu Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

2.1.1. Giới thiệu chung về Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

2.1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

Với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Nhà nước, Cách mạng tháng 8 thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Ngày 10 tháng 9 năm 1945, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp thừa uỷ quyền của Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa ký Sắc lệnh số 27 - SL thành lập "Sở thuế quan và Thuế gián thu", khai sinh ra ngành Hải quan Việt Nam với mục đích đảm bảo việc kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu và duy trì nguồn thu ngân sách.

Ngày 14/4/1955, Bộ Công thương ban hành Nghị định số 87/BTC-ND-KB thành lập Sở Hải quan Hải Phòng, cơ quan tiền thân của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng ngày nay. Sở Hải quan Hải Phòng được giao nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động xuất nhập khẩu và xuất nhập cảnh trên một địa bàn rộng gồm thành phố Hải Phòng, tỉnh Quảng Ninh, tỉnh Thái Bình. Ngoài ra còn được giao nhiệm vụ kiểm soát thuốc phiện toàn bộ khu vực biên giới biển và trong nội địa của địa bàn quản lý.

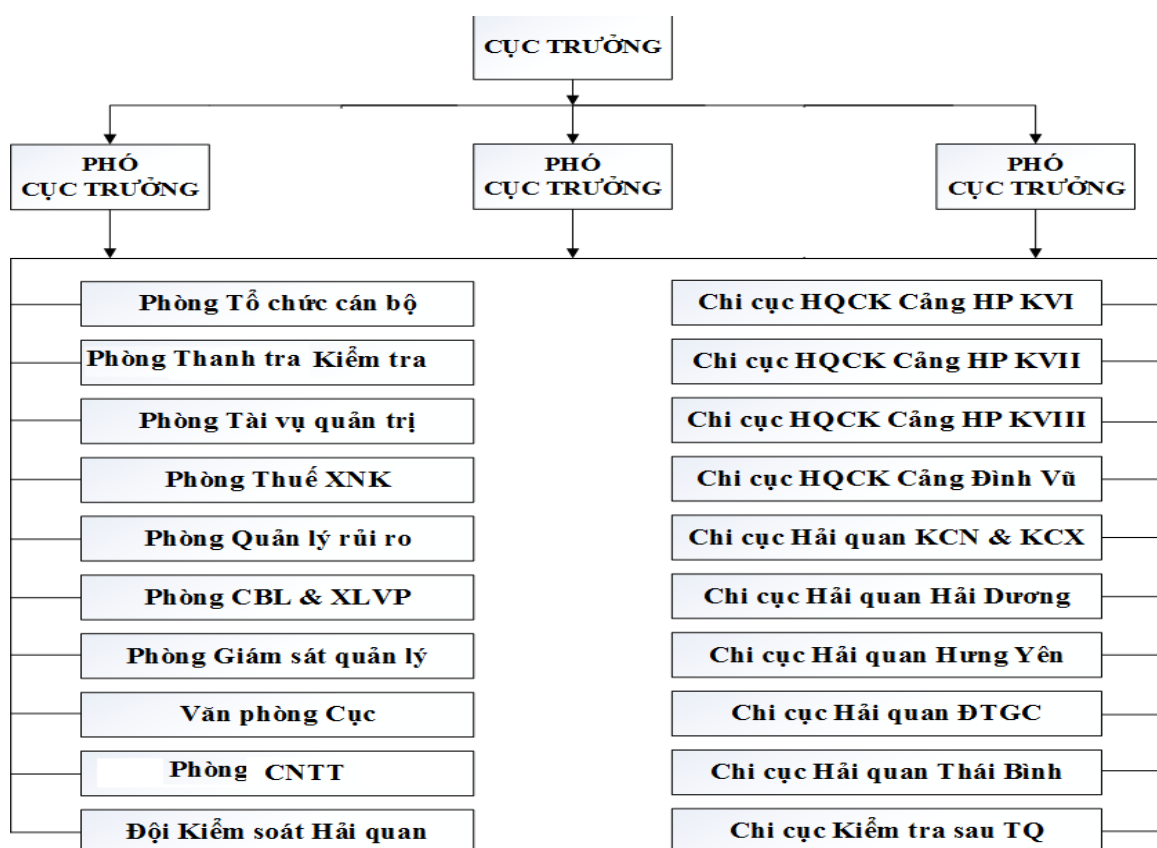
Trải qua hơn nửa thế kỷ trưởng thành phát triển, đến nay Cục Hải quan thành phố Hải Phòng có tổng số 949 cán bộ công chức, 20 đơn vị trực thuộc bao gồm: 9 Chi cục Hải quan, 8 phòng ban tham mưu, 3 đơn vị tương đương (Phòng Công nghệ thông tin, Đội Kiểm soát hải quan và Chi cục kiểm tra sau

thông quan). Cục Hải quan thành phố Hải Phòng quản lý nhà nước về lĩnh vực Hải quan trên địa bàn 4 tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Hải Dương, Hưng yên và Thái Bình. Cục Hải quan thành phố Hải Phòng luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt được những danh hiệu cao quý như: Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới (năm 2006); Huân chương lao động hạng Nhất, hạng Nhì; Huân chương độc lập hạng Nhì; Cờ thi đua của Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan.

2.1.1.2. Bộ máy tổ chức

Bộ máy tổ chức của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng hiện nay đứng đầu là Cục Trưởng, sau đó là 3 Phó Cục Trưởng và tiếp theo là các phòng, ban, chi cục hải quan và tương đương, chi tiết như sơ đồ 2.1. Mỗi đơn vị đều có các chức năng, nhiệm vụ cụ thể.

Sơ đồ 4: Bộ máy tổ chức



2.1.2. Thủ tục Hải quan điện tử tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

Căn cứ Quyết định 149/2005/QĐ-Ttg ngày 20/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm thủ tục hải quan điện tử; ***Cục Hải quan thành phố Hải Phòng là đơn vị đầu tiên trong toàn ngành được Tổng cục Hải quan tin tưởng giao triển khai thí điểm thủ tục hải quan điện tử.*** Cục Hải quan thành phố Hải Phòng đã thực hiện thí điểm thành công thủ tục HQĐT háng 9 năm 2005- 2012. Trong thời gian 7 năm thực hiện thí điểm đã rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm trong triển khai thủ tục hải quan điện tử, là tiền đề cho việc chính thức triển khai thủ tục HQĐT toàn ngành hải quan theo Nghị định 87/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại; ***Từ ngày 01/01/2013 Cục hải quan thành phố Hải Phòng cũng là đơn vị đầu tiên trong toàn ngành triển khai chính thức thủ tục hải quan điện tử theo Nghị định 87/2012/NĐ-CP*** để rút kinh nghiệm cho toàn ngành; sau đó được triển khai đồng loạt ở các Cục Hải quan địa phương khác. Mặc dù thời gian từ khi Nghị định được ban hành cho đến thời điểm chính thức có hiệu lực rất ngắn nhưng do đã có kinh nghiệm trong triển khai thí điểm thủ tục hải quan điện tử và công tác chuẩn bị tốt, quá trình triển khai diễn ra thuận lợi, đúng theo lộ trình đã đề ra. Đến nay, Cục đều đạt và vượt các chỉ tiêu về thủ tục hải quan điện tử đặt ra trong kế hoạch cải cách hiện đại hóa giai đoạn 2012- 2016, cụ thể như sau:

Bảng 2.1: Số lượng doanh nghiệp tham gia thủ tục hải quan điện tử

Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm
Tiêu chí	2012	2013	2014	2015	2016
Số doanh nghiệp khai thủ tục hải quan điện tử/ tổng số doanh nghiệp khai thủ tục hải quan	12,682/ 12,885	14,030/ 14,030	14,030/ 14,030	14,030/ 14,030	14,030/ 14,030
Số tờ khai thực hiện thủ tục hải quan điện tử	64.08%	97.68%	99.95%	100%	100%

Nguồn: Ban triển khai thủ tục hải quan điện tử Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

Như vậy kể từ khi triển khai thực hiện đến nay, số doanh nghiệp thực hiện thủ tục HQĐT tăng nhiều qua các năm. Đến nay, tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng 100% thực hiện thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá XNK thương mại. Điều này thể hiện sự nỗ lực triển khai thủ tục HQĐT của cán bộ công chức Cục Hải quan thành phố Hải Phòng cũng như được sự đồng thuận của cộng đồng doanh nghiệp XNK; Trước thời điểm năm 2012 Cục Hải quan thành phố Hải Phòng triển khai song song hai hệ thống thông quan: Thứ nhất là hệ thống thủ tục hải quan truyền thống (thực hiện thủ tục thủ công - Doanh nghiệp khai báo thủ công trên tờ khai hải quan giấy), thứ hai là hệ thống thủ tục hải quan điện tử (thực hiện thí điểm). Việc khai báo thủ công đã có từ rất lâu đã ăn vào tiềm thức của mọi người cũng như doanh nghiệp, để thay đổi sang một phương thức mới (thủ tục hải quan điện tử) là rất khó khăn; Để khuyến khích doanh nghiệp tham gia thí điểm thủ tục hải quan điện tử Cục hải quan thành phố Hải Phòng đã đưa ra nhiều giải pháp; tuyên truyền, phổ biến cộng đồng doanh nghiệp những ưu việt của thủ tục hải quan điện tử, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp về phần mềm, hướng dẫn khai báo thủ tục hải quan điện tử, kịp thời giải quyết các vướng mắc của doanh nghiệp và hệ thống; bên

cạnh đó Cục quan tâm sâu sát đào tạo cán bộ công chức thực hiện thủ tục HQĐT. Do vậy số lượng doanh nghiệp, số tờ khai thực hiện thủ tục hải quan điện tử tăng hàng năm, cụ thể năm 2012 doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 98.4%, số tờ khai chiếm tỷ lệ 64.08%; năm 2013 doanh nghiệp chiếm 100%, số tờ khai chiếm 99.95% do có loại hình hệ thống phần mềm chưa đáp ứng được phải khai thủ công (hàng quá cảnh). Đến nay 100% thực hiện thủ tục hải quan điện tử tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.

Bảng 2.2: Số liệu tờ khai XNK

(Đơn vị: tờ khai)

Tiêu chí		Số tờ khai XK	Số tờ khai NK	Tổng số TK
2012	Số lượng	601,872	106,213	708,085
	Tỷ lệ (%)	85.0	15.0	100.0
2013	Số lượng	1,294,677	176,547	1,471,224
	Tỷ lệ (%)	88	12	100
2014	Số lượng	865,788	135,123	1,000,911
	Tỷ lệ (%)	86.50	13.50	100
2015	Số lượng	1,120,048	58,950	1,178,998
	Tỷ lệ (%)	95.00	5.00	100
2016	Số lượng	1,217,956	91,674	1,309,630
	Tỷ lệ (%)	93.0	7.0	100
Chênh lệch 2015-2013	Số lượng	692,805	70,334	763,139
	Tỷ lệ (%)	115.1	66.2	107.8
Chênh lệch 2016-2014	Số lượng	(428,889)	(41,424)	(470,313)
	Tỷ lệ (%)	(33.1)	(23.5)	(32.0)
Chênh lệch 2015-2014	Số lượng	254,260	(76,173)	178,087
	Tỷ lệ (%)	29.4	(56.4)	17.8
Chênh lệch 2016-2015	Số lượng	97,908	32,724	130,632
	Tỷ lệ (%)	8.74	55.51	11.08

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.

Số lượng tờ khai XK không ổn định theo các năm, năm 2014 Cục giải quyết được 865,788 tờ khai XK, năm 2015 tăng lên 1,120,048 tờ khai (tăng 29.4% so với năm 2014), năm 2016 tăng lên 1,217,959 tờ khai (tăng 8.74% so với năm 2015).

Số lượng tờ khai NK không ổn định qua các năm, năm 2014 Cục giải quyết được 135,123 tờ khai XK, năm 2015 giảm xuống còn 58,950 tờ khai (giảm 56.4% so với năm 2014), năm 2016 tăng lên 91,671 tờ khai (tăng 55.51% so với năm 2015).

Nhìn chung số lượng tờ khai XNK mà Cục Hải quan thành phố Hải Phòng giải quyết được trong giai đoạn 2012 - 2016 năm sau luôn cao hơn năm trước. Từ năm 2012 đến năm 2014 tổng số tờ khai lên xuống không ổn định, nhưng theo đó năm 2014 Cục giải quyết được 1,000,911 tờ khai, năm 2015 tăng lên 1,178,998 tờ khai (tăng 17.8% so với năm 2014); năm 2016 số lượng tờ khai giải quyết được đạt 1,309,630 tờ (tăng 11.08% so với năm 2015).

Có được kết quả này là do năm 2016 nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi và đặc biệt là sự cố gắng vượt bậc của Cục hải quan thành phố Hải Phòng.

Mặc dù biên chế cán bộ công chức của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng tăng chưa tương xứng với công việc nhưng với nỗ lực của tập thể cán bộ công chức đã giải quyết thủ tục khối lượng công việc khổng lồ cho hàng hoá XNK thông qua cảng Hải Phòng. Điều này thể hiện Cục Hải quan thành phố Hải Phòng đã đổi mới - Quản lý hải quan trong hoạt động XNK, áp dụng quản lý hải quan hiện đại phù hợp với thông lệ quốc tế, góp phần thu hút đầu tư nước ngoài và nâng cao sức cạnh tranh trong nước và quốc tế của các doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Đáng chú ý là việc áp dụng QLRR trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS; kiểm tra hải quan được thực hiện trên cơ sở Quyết định của Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, Quy trình thủ tục

hải quan điện tử dựa trên cơ sở áp dụng QLRR ngày càng rõ ràng, minh bạch, dễ thực hiện, dễ khai báo cho cả cán bộ công chức hải quan và doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động XNK, rút ngắn thời gian thông quan, giảm chi phí cho doanh nghiệp.

Bảng 2.3: Số liệu kim ngạch XNK (giai đoạn 2012 - 2016)

(Đơn vị: Tỷ USD)

Tiêu chí		Kim ngạch XK	Kim ngạch NK	Tổng kim ngạch XNK
2012	Giá trị	47.85	9.16	57.01
	Tỷ lệ (%)	83.93	16.07	100
2013	Giá trị	49.26	11.29	60.55
	Tỷ lệ (%)	81.35	18.65	100
2014	Giá trị	53.86	8.72	62.58
	Tỷ lệ (%)	86.07	13.93	100
2015	Giá trị	47.86	8.59	56.44
	Tỷ lệ (%)	84.79	15.21	100
2016	Giá trị	58.47	12.13	70.60
	Tỷ lệ (%)	82.82	17.18	100
Chênh lệch 2013-2012	Giá trị	1.41	2.13	3.54
	Tỷ lệ (%)	2.95	23.25	6.21
Chênh lệch 2014-2013	Giá trị	4.60	(2.57)	2.03
	Tỷ lệ (%)	9.34	(22.76)	3.35
Chênh lệch 2015-2014	Giá trị	(6.00)	(0.13)	(6.14)
	Tỷ lệ (%)	(11.14)	(1.53)	(9.80)
Chênh lệch 2016-2015	Giá trị	10.61	3.55	14.16
	Tỷ lệ (%)	22.18	41.29	25.09

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.

Giá trị kim ngạch XK tại Cục hải quan thành phố Hải Phòng trong giai đoạn 2012 - 2016 không ổn định. Năm 2014 kim ngạch XK đạt 53.86 tỷ USD (chiếm 86.07% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu). Năm 2015 giảm xuống còn 47.86 tỷ USD (giảm 6 tỷ USD so với năm 2014 nên chỉ chiếm 84.79% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu). Năm 2016 tăng mạnh, đạt 58.47 tỷ USD (tăng 22.17% so với năm 2015 nhưng tỷ trọng giảm xuống còn 82.82% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu).

Kim ngạch NK tại Cục hải quan thành phố Hải Phòng trong giai đoạn 2012 - 2016 cũng không ổn định. Năm 2014 kim ngạch NK đạt 8.72 tỷ USD (chiếm 13.93% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu). Năm 2015 giảm xuống còn 8.59 tỷ USD (giảm 1.53% so với năm 2014, chiếm 15.21% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu). Năm 2016 tăng lên đạt 12.13 tỷ USD (tăng 41.2% so với năm 2015 nên tỷ trọng tăng lên đạt 17.18% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu).

Nguyên nhân của sự thay đổi là do năm 2015 nền kinh tế khá ảm đạm nhưng sang năm 2016 nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi nên các doanh nghiệp có xu hướng nhập khẩu trang thiết bị, nguyên vật liệu để sản xuất nên cả kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu đều tăng.

Hiện nay, hàng hóa làm thủ tục thông quan tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng chủ yếu là hàng rời và hàng đóng trong Container. Các mặt hàng sắt thép, ô tô nguyên chiếc và phụ tùng, linh kiện lắp ráp ô tô, thiết bị máy móc, nguyên liệu sản xuất, lúa gạo, xăng dầu,... là những mặt hàng chủ đạo, chiếm phần lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Ngoài quy mô về hàng hóa tăng lên, chủng loại hàng hóa cũng đa dạng hơn, chủ thể XNK càng đa thành phần, thị trường đi và đến ngày càng được mở rộng... do đó khâu QLRR ngày càng được coi là khâu quan trọng trong nghiệp vụ tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.

Triển khai mở rộng công thanh toán thuế điện tử giai đoạn 2 e-payment (trao đổi thông tin về các khoản thu ngân sách giữa hải quan và ngân hàng thương mại). Đến nay, Cục đã kết nối công thanh toán điện tử thu thuế XNK và phối hợp thu với 11 Ngân hàng thương mại. Việc thanh toán bằng phương thức điện tử đã đem lại hiệu quả tích cực trong công tác quản lý thu nộp ngân sách nhà nước, cải cách thủ tục hành chính, giảm thiểu thời gian và thủ tục nộp tiền cho người nộp thuế.

Bảng 2.4: Số thuế thu nộp ngân sách nhà nước

(Đơn vị tính: Tỷ đồng)

	2012	2013	2014	2015	2016
Số thu nộp ngân sách	32,045	36,613	40,031	45,588	47,775

Nguồn: Phòng thuế XNK Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

Một trong những kết quả đáng ghi nhận của Cục Hải quan Hải Phòng giai đoạn 2012 - 2016 đó chính là sự gia tăng của giá trị nộp ngân sách Nhà nước của đơn vị. Năm 2014 đơn vị thu nộp ngân sách Nhà nước đạt 40,031 tỷ đồng, năm 2015 tăng lên 45,588 tỷ đồng (tăng 13.88% so với năm 2014); đến năm 2016 chỉ tiêu này tăng lên đạt mức 47,775 tỷ đồng (tăng 4.79% so với năm 2015).

Triển khai hệ thống tiếp nhận bản khai hàng hóa e-manifest: Từ 15/08/2013, Cục đã triển khai thực hiện tiếp nhận bản khai hàng hoá, các chứng từ có liên quan và thông quan điện tử đối với tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh (e-manifest) cho các hãng tàu, đại lý hãng tàu và công ty giao nhận trên địa bàn theo Quyết định 19/2011/QĐ-TTg ngày 23/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Qua công tác tuyên truyền của cơ quan hải quan, các hãng tàu, đại lý hãng tàu, đại lý giao nhận đều nhiệt tình đăng ký tham gia.

Tính đến thời điểm hiện nay, số liệu triển khai như sau:

Bảng 2.5: Số liệu thông quan điện tử đối với tàu biển XNC

Chỉ tiêu	Số lượng	Ghi chú
Số doanh nghiệp tham gia và được cấp tài khoản truy cập khai báo hệ thống e-manifest	304 doanh nghiệp	(đại lý hãng tàu, giao nhận v,v)
Các đơn vị của Cục sử dụng hệ thống e-manifest	11 đơn vị	(các Chi cục, phòng ban)
Tổng số hồ sơ thực hiện khai trên hệ thống e-manifest	740 hồ sơ	(tàu XNC, quá cảnh, chuyển cảng)
Tổng số hồ sơ thông quan	608 hồ sơ	(49 hãng tàu, 545 đại lý giao nhận)
Tỷ lệ % thực hiện thủ tục điện tử	82.1%	

Nguồn: Ban triển khai thủ tục hải quan điện tử Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

- Do hệ thống công nghệ thông tin khi triển khai e-manifest mới đưa vào sử dụng còn nhiều vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai; cũng như hệ thống công nghệ thông tin của một số hãng tàu, đại lý giao nhận chưa đáp ứng được yêu cầu do vậy việc thông quan điện tử tàu biển XNC chưa cao, đến nay mới chiếm tỷ lệ là 82.1%.

Năm 2013 là năm toàn Ngành Hải quan gấp rút triển khai thực hiện dự án thông quan điện tử tự động (VNACCS/VCIS) do Chính phủ Nhật Bản tài trợ, để hệ thống chính thức được vận hành trong năm 2014. Nhận thức được tầm quan trọng của dự án, ngay từ đầu năm, Cục Hải quan thành phố Hải Phòng đã chủ động ban hành Kế hoạch để chuẩn bị triển khai dự án VNACCS/VCIS theo lộ trình của Tổng cục Hải quan; Thành lập Ban triển

khai dự án VNACCS/VCIS, nhóm chuyên gia về Hệ thống VNACCS/VCIS, Tổ hỗ trợ chạy thử hệ thống VNACCS/VCIS, tổ chức các lớp đào tạo về Hệ thống VNACCS/VCIS cho công chức và doanh nghiệp.

Cục Hải quan thành phố Hải Phòng đã tích cực tổ chức, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và vận động doanh nghiệp đăng ký, tham gia chạy thử nhằm giúp doanh nghiệp làm quen với Hệ thống, đồng thời giúp phát hiện các lỗi để khắc phục trước khi triển khai chính thức Hệ thống. Tính đến hết năm 2016, Cục đã hỗ trợ thực hiện thủ tục hải quan điện tử Hệ thống VNACCS/VCIS như sau:

Bảng 2.6: Số liệu hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện hải quan điện tử Hệ thống VNACCS/VCIS

Chỉ tiêu	Số lượng	Ghi chú
Hỗ trợ các DN đăng ký người sử dụng	9.850	Chiếm khoảng 82% doanh nghiệp thường xuyên hoạt động XNK (khoảng 12.000 doanh nghiệp) qua Cục Hải quan thành phố Hải Phòng
Đăng ký sử dụng chữ ký số	10.050	Chiếm khoảng 84% doanh nghiệp thường xuyên hoạt động XNK qua Cục Hải quan thành phố Hải Phòng
Đăng ký công chức hải quan sử dụng	756 người	Chiếm 84% tổng số cán bộ công chức Cục và đạt tỷ lệ 100% cán bộ công chức tham gia thủ tục hải quan điện tử.

Nguồn: Ban triển khai thủ tục hải quan điện tử Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

Đến nay thực hiện thủ tục hải quan điện tử Hệ thống VNACCS/VCIS 100% doanh nghiệp đã đăng ký người sử dụng và sử dụng chữ ký số.

Từ 01/4/2014, Cục Hải quan thành phố Hải Phòng cũng là đơn vị đầu tiên trong toàn ngành đã triển khai thành công thủ tục hải quan điện tử Hệ thống VNACCS/VCIS tới tất cả các Chi cục Hải quan trực thuộc; Sau đó đến tháng 6 năm 2014 được triển khai tại tất cả các Hải quan tỉnh thành phố.

2.2. Thực trạng quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan điện tử tại Cục hải quan thành phố Hải Phòng.

2.2.1. Hoạt động của Phòng Quản lý rủi ro:

Phòng Quản lý rủi ro - Cục Hải quan thành phố Hải Phòng được thành lập tháng 7/2010; Bộ máy Phòng QLRR gồm: Tổ kiểm soát tuân thủ, Tổ kiểm soát rủi ro, Tổ tổng hợp và Đội Kiểm tra hàng hóa bằng máy soi container cố định và di động, có tổng số 53 cán bộ công chức trong đó có 01 Trưởng Phòng và 02 Phó Trưởng Phòng; Phòng Quản lý rủi ro là đầu mối thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác quản lý rủi ro của Cục.

Từ ngày thành lập đến nay, công tác quản lý rủi ro tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng đã có nhiều khởi sắc, mang lại kết quả rõ rệt vừa đảm bảo yêu cầu quản lý hải quan, chống buôn lậu, gian lận thương mại trên địa bàn có hiệu quả, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp với việc giảm tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hoá, rút ngắn thời gian thông quan.

Hiện nay, Cục Hải quan thành phố Hải Phòng trở thành một trong những đơn vị hải quan địa phương đi đầu trong toàn ngành trong lĩnh vực quản lý rủi ro, được Tổng cục Hải quan đánh giá cao.

- *Phòng Quản lý rủi ro thực hiện các nhiệm vụ như sau, cụ thể:*

Thứ nhất là nhiệm vụ tổ chức thu thập, cập nhật thông tin xây dựng hồ sơ quản lý doanh nghiệp.

Thứ hai là tổ chức thu thập, cập nhật, phân tích thông tin rủi ro trên cơ sở rà soát, kiểm tra, xác định trọng tâm, trọng

Thứ ba là xây dựng, ứng dụng và quản lý hồ sơ quản lý rủi ro

Thứ tư là thiết lập, cập nhật, áp dụng tiêu chí phân tích phục vụ đánh giá rủi ro, đảm bảo hiệu quả cũng như điều phối hoạt động kiểm tra hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại trong phạm vi toàn Cục

Thứ năm là theo dõi, kiểm tra quá trình áp dụng quản lý rủi ro, đánh giá hiệu quả áp dụng quản lý rủi ro, điều chỉnh bổ sung việc áp dụng quản lý rủi ro.

Thứ sáu là vận hành hệ thống thông tin phục vụ quản lý rủi ro.

2.2.2. Nội dung quản lý rủi ro tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng:

Để công tác quản lý rủi ro của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng được hoàn thiện và có hiệu quả, ngoài nhiệm vụ của Phòng QLRR thì các đơn vị trực thuộc căn cứ vào nhiệm vụ chuyên môn được giao có trách nhiệm phối hợp cung cấp các thông tin có liên quan cho Phòng Quản lý rủi ro tổng hợp thông tin, xử lý thông tin áp dụng QLRR, trong đó:

▪ Các Chi cục Hải quan trực thuộc có nhiệm vụ:

- Căn cứ kết quả phân tích rủi ro, nếu thấy cần thiết áp dụng biện pháp kiểm tra hải quan đối với chủ hàng hoặc hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì có văn bản đề nghị Phòng Quản lý rủi ro thiết lập, cập nhật tiêu chí vào hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý rủi ro.
- Thu thập, cập nhật, cung cấp thông tin phục vụ quản lý rủi ro cho Phòng Quản lý rủi ro, bao gồm: Báo cáo các vụ vi phạm được phát hiện; Báo cáo các lỗi về chính sách, áp mã, trị giá, số lượng, chất lượng... nhưng không bị xử phạt, chỉ lập biên bản chứng nhận; Báo cáo về doanh nghiệp, hàng hóa có khả năng vi phạm, các rủi ro bất thường phát hiện trong quá trình làm thủ tục hải quan; Báo cáo việc rà soát danh mục rủi ro, các vướng mắc liên quan đến đánh giá rủi ro, hiệu quả áp dụng quản lý rủi ro và các kiến nghị liên quan đến áp dụng rủi ro; Báo cáo các trường hợp hủy tờ khai.

▪ *Đội Kiểm soát Hải quan có trách nhiệm cung cấp:*

- Phương thức, thủ đoạn buôn lậu, gian lận thương mại thường diễn ra trong quá trình làm thủ tục hải quan.
- Danh sách doanh nghiệp, hàng hóa có nguy cơ buôn lậu, gian lận trên địa bàn.
- Các vụ việc vi phạm được phát hiện qua hoạt động kiểm soát hải quan.
- Thông tin trinh sát liên quan đến quá trình áp dụng quản lý rủi ro.
- Phản hồi kết quả tiến hành các hoạt động kiểm soát đối với đối tượng rủi ro do Phòng Quản lý rủi ro chuyên giao.

▪ *Phòng Giám sát quản lý về Hải quan cung cấp:*

- Thông tin và chính sách quản lý của Chính phủ, các bộ, ngành, chỉ đạo của cấp trên đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, quản lý theo giấy phép, hạn ngạch thuế quan; Các điều kiện, tiêu chuẩn quy định về hàng hóa có khả năng vi phạm)
- Các văn bản cảnh báo hoặc chỉ đạo nghiệp vụ của cấp trên liên quan đến doanh nghiệp, hàng hóa có khả năng vi phạm pháp luật.
- Những nguy cơ tiềm ẩn hoặc những vi phạm về quy chế cấp giấy chứng nhận xuất xứ với mục đích lợi dụng chế độ ưu đãi hoặc ưu đãi đặc biệt của Việt Nam với các nước, tổ chức quốc tế khác.
- Danh sách hàng hóa (tên hàng, mã số) có khả năng vi phạm về giấy chứng nhận xuất xứ kèm theo tên quốc gia thường bị lợi dụng trên giấy chứng nhận xuất xứ, tên quốc gia là xuất xứ thật của hàng hóa nhập khẩu nếu có, tên quốc gia nhập khẩu hàng hóa (đối với trường hợp lợi dụng, gian lận xuất xứ của Việt Nam để hưởng ưu đãi).
- Loại giấy phép, chứng từ cần kiểm tra cùng với các thông tin liên quan đến phương thức, thủ đoạn vi phạm.

- Các loại hàng hóa được ưu tiên miễn kiểm tra hoặc các loại hàng hóa cần tăng cường kiểm tra theo chỉ đạo của Chính phủ, các bộ, ngành cũng như chỉ đạo của Tổng cục Hải quan.

- Những sơ hở trong quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu dễ bị lợi dụng.

- Các văn bản chỉ đạo của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng về việc tăng cường kiểm tra thực tế hàng hóa đối với đối tượng có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

▪ *Phòng Thuế xuất nhập khẩu cung cấp:*

- Các quy định về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng... đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Danh sách hàng hóa (tên hàng, mã số) trọng điểm về phân loại hàng hóa trên địa bàn kèm theo tên hàng và mã số ẩn (tên hàng, mã số ngụy trang).

- Danh sách hàng hóa (tên hàng, mã số) thường bị khai sai tên hàng, mã số, thành phần, công dụng, đơn vị tính... trên địa bàn.

- Các doanh nghiệp chây ỳ, nợ đọng tiền thuế số lượng lớn, đối tượng thành lập nhiều doanh nghiệp có khả năng không tuân thủ pháp luật về thuế.

- Các vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm trong kê khai thuế của các đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, ân hạn thuế.

- Danh sách hàng hóa (tên hàng, mã số) trọng điểm về giá trên địa bàn.

- Những sơ hở trong chính sách quản lý thuế mà các đối tượng hay lợi dụng để gian lận về thuế.

▪ *Chi cục kiểm tra sau thông quan:*

- Tổng hợp, báo cáo thông tin kết quả kiểm tra sau thông quan, nêu rõ các phương thức, thủ đoạn vi phạm của doanh nghiệp do kiểm tra sau thông quan phát hiện.

- Các thông tin do cấp trên chuyển giao hoặc văn bản chỉ đạo của cấp trên về việc định hướng kiểm tra sau thông quan.

- Những sơ hở, thiếu sót trong quá trình làm thủ tục hải quan do kiểm tra sau thông quan phát hiện được.

- Các yêu cầu của Chi cục Kiểm tra sau thông quan về việc tăng cường các biện pháp kiểm tra thực tế đối với hàng hóa, doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

- Phản hồi kết quả kiểm tra sau thông quan về đối tượng rủi ro do Phòng Quản lý rủi ro chuyên giao.

▪ *Phòng Chống buôn lậu và xử lý vi phạm:*

- Tổng hợp, báo cáo các vụ vi phạm do Cục Hải quan thành phố Hải Phòng thụ lý, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ, mã số thuế của tổ chức vi phạm, nội dung vi phạm, biện pháp xử lý, số thuế phải truy thu.

- Báo cáo xu hướng buôn lậu và gian lận trên địa bàn, các loại đối tượng trọng điểm như ngành hàng, loại hình, tuyến đường, địa bàn có khả năng vi phạm.

- Danh sách đối tượng trọng điểm về buôn lậu, gian lận thương mại như hàng hóa (tên hàng, mã số), chủ hàng, đối tác nước ngoài...

Phòng quản lý rủi ro là đơn vị được giao chủ trì thực hiện triển khai áp dụng quản lý rủi ro trong toàn Cục. Công tác thu thập, phân tích thông tin, đánh giá rủi ro ngày càng chuyên nghiệp hơn; thiết lập nhiều tiêu chí phân luồng có trọng tâm, trọng điểm phục vụ hiệu quả cho quá trình thông quan và đã đạt được những kết quả khả quan, được các cấp ghi nhận, đánh giá tốt. Tuy nhiên, do thời gian thành lập chưa lâu, số lượng cán bộ công chức được đào tạo chuyên sâu, kinh nghiệm về quản lý rủi ro còn hạn chế nên cũng ảnh hưởng tới chất lượng công tác.

Công tác phối hợp, trao đổi, chia sẻ thông tin giữa Phòng Quản lý rủi ro với các Chi cục, Đội Kiểm soát hải quan, Phòng ban tham mưu tương đối tốt có hiệu quả, nhưng vẫn còn những hạn chế nhất định: công tác trao đổi thông tin chưa thường xuyên, chưa có nhiều thông tin mang tính dự báo nhằm ngăn

chặn kịp thời, có hiệu quả các hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới gian lận thương mại... Đây là những nguy cơ dẫn đến những rủi ro trong hoạt động nói chung và trong Hải quan điện tử tại Hải quan Hải phòng.

2.2.3. Đo lường, đánh giá tuân thủ trong hoạt động nghiệp vụ hải quan

❖ Kết quả thực hiện từ năm 2012 - 2016 như sau:

Bảng 2.7: Tình hình phân luồng kiểm tra (hình thức kiểm tra)

(Đơn vị: tờ khai)

Chỉ tiêu	Luồng xanh	Luồng Vàng			Luồng Đỏ				Tổng cộng	
		Theo tiêu chí Tổng cục	Theo tiêu chí Cục	Cộng	Theo tiêu chí Tổng cục	Theo tiêu chí Cục	Do chuyển luồng	Cộng		
Năm 2012	Số lượng	448,562	162,167	11,720	173,887	77,552	1,712	6,372	85,636	708,085
	Tỷ trọng (%)	63.35	93.26	6.74	24.56	90.56	2.00	7.44	12.09	100
Năm 2013	Số lượng	430,536	217,539	20,991	238,530	726,755	16,845	58,558	802,158	1,471,224
	Tỷ trọng (%)	29.26	91.20	8.80	16.21	90.60	2.10	7.30	54.52	100
Năm 2014	Số lượng	482,411	401,112	33,295	434,407	74,918	2,134	7,041	84,093	1,000,911
	Tỷ trọng (%)	48.20	92.34	7.66	43.40	89.09	2.54	8.37	8.40	100
Năm 2015	Số lượng	584,391	488,858	15,545	504,403	64,146	18,735	7,323	90,204	1,178,998
	Tỷ trọng (%)	49.57	96.92	3.08	42.78	71.11	20.77	8.12	7.65	100
Năm 2016	Số lượng	656,268	523,718	53,260	576,978	52,924	17,765	5,695	76,384	1,309,630
	Tỷ trọng (%)	50.11	90.77	9.23	44.06	69.29	23.26	7.46	5.83	100
Chênh lệch 2013-2012	Số lượng	(18,026)	55,372	9,271	64,643	649,203	15,133	52,186	716,522	763,139
	Tỷ trọng (%)	-4.0	34.1	79.1	37.2	837.1	883.9	819.0	836.7	107.8
Chênh lệch 2014-2013	Số lượng	51,875	183,573	12,304	195,877	(651,837)	(14,711)	(51,517)	(718,065)	(470,313)
	Tỷ trọng (%)	12.0	84.4	58.6	82.1	-89.7	-87.3	-88.0	-89.5	-32.0
Chênh lệch 2015-2014	Số lượng	101,980	87,746	(17,750)	69,996	(10,772)	16,601	282	6,111	178,087
	Tỷ trọng (%)	21.1	21.9	-53.3	16.1	-14.4	777.9	4.0	7.3	17.8
Chênh lệch 2016-2015	Số lượng	71,877	34,860	37,715	72,575	(11,222)	(970)	(1,628)	(13,820)	130,632
	Tỷ trọng (%)	12.3	7.1	242.6	14.4	-17.5	-5.2	-22.2	-15.3	11.1

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Phòng QLRR - Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

Cục Hải quan thành phố Hải Phòng đã thực hiện nghiêm quy trình, quy định về phân luồng, chuyển luồng kiểm tra, góp phần giảm đáng kể tỷ lệ kiểm tra chi tiết hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa trong toàn ngành. Số lượng tờ khai luồng xanh có sự gia tăng khá nhanh từ năm 2012 đến năm 2016. Năm 2014 trong tổng số 1,000,911 tờ khai giải quyết tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng thì có 482,411 tờ khai phân luồng xanh (chiếm 48.2%). Năm 2015 số lượng tờ khai luồng xanh tăng lên 584,391 tờ khai (tăng 21.1% so với năm 2014, đạt 49.57% tổng số tờ khai đã giải quyết). Đến năm 2016 chỉ tiêu này tiếp tục tăng lên đạt 656,268 tờ khai (tăng 12.3% so với năm 2015).

Số lượng tờ khai luồng vàng có sự gia tăng khá nhanh từ năm 2012 đến năm 2016. Năm 2014 có 434,407 tờ khai phân luồng vàng (chiếm 43.4% tổng số tờ khai). Năm 2015 số lượng tờ khai luồng vàng tăng lên 504,403 tờ khai (tăng 16.1% so với năm 2014, chiếm 42.78% tổng số tờ khai đã giải quyết). Đến năm 2016 chỉ tiêu này tiếp tục tăng lên, đạt 576,978 tờ khai (tăng 14.4% so với năm 2015, chiếm 44.06% tổng số tờ khai).

Số lượng tờ khai luồng đỏ có xu hướng tăng về số lượng nhưng tỷ trọng trong tổng số tờ khai lại giảm. Năm 2014 có 84,093 tờ khai phân luồng đỏ (chiếm 8.4% tổng số tờ khai). Năm 2015 số lượng tờ khai luồng đỏ tăng lên 90,204 tờ khai (tăng 7.3% so với năm 2014, nhưng chỉ chiếm 7.65% tổng số tờ khai đã giải quyết). Đến năm 2016 chỉ tiêu này giảm xuống còn 76,384 tờ khai (giảm 15.3% so với năm 2015, nên chỉ chiếm 5.83% tổng số tờ khai).

Để có được kết quả này là do Cục đã tạo được môi trường, định hướng, khuyến khích thái độ tuân thủ của doanh nghiệp XNK do đó QLRR được cộng đồng doanh nghiệp ủng hộ. Với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, kết hợp với công tác Kiểm tra sau thông quan, cơ quan Hải quan đánh giá được mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp, thời gian thông quan tại cửa khẩu giảm rõ rệt. Nhờ vậy mà tiết kiệm rất nhiều chi phí và thời gian chờ đợi cho doanh nghiệp. Tỷ lệ doanh nghiệp có độ rủi ro thấp được phân vào luồng xanh liên tục tăng lên. Số lượng và tỷ lệ doanh nghiệp được đánh giá chấp hành tốt pháp luật Hải quan cũng tăng đáng kể.

Bảng 2.8: Tình hình chuyển luồng tờ khai (thay đổi hình thức kiểm tra)

(Đơn vị: tờ khai)

Năm		Xanh- Vàng	Xanh - Đỏ	Vàng - Đỏ	Vàng - Xanh	Đỏ - Xanh	Đỏ - Vàng	Tổng cộng
2012	Số lượng	45,986	10,784	4,161	42	39	719	61,731
	Tỷ lệ (%)	74.5	17.5	6.7	0.1	0.1	1.2	100.0
2013	Số lượng	2,168	3,967	4,540	6	484	894	12,059
	Tỷ lệ (%)	18.0	32.9	37.6	0.0	4.0	7.4	100
2014	Số lượng	3,316	1,208	5,833	2,148	87	1,323	13,915
	Tỷ lệ (%)	23.8	8.7	41.9	15.4	0.6	9.5	100
2015	Số lượng	2,339	1,327	5,996	1,976	128	1,762	13,528
	Tỷ lệ (%)	17.3	9.8	44.3	14.6	0.9	13.0	100
2016	Số lượng	2,385	1,132	4,563	2,021	132	1,816	12,049
	Tỷ lệ (%)	19.8	9.4	37.9	16.8	1.1	15.1	100
Chuyển luồng 2013-2012	Số lượng	(43,818)	(6,817)	379	(36)	445	175	(49,672)
	Tỷ lệ (%)	-95.3	-63.2	9.1	-85.7	1141.0	24.3	-80.5
Chuyển luồng 2014-2013	Số lượng	1,148	(2,759)	1,293	2,142	(397)	429	1,856
	Tỷ lệ (%)	53.0	-69.5	28.5	35700	-82.0	48.0	15.4
Chuyển luồng 2015-2014	Số lượng	(977)	119	163	(172)	41	439	(387)
	Tỷ lệ (%)	-29.5	9.9	2.8	-8.0	47.1	33.2	-2.8
Chuyển luồng 2016-2015	Số lượng	46	(195)	(1,433)	45	4	54	(1,479)
	Tỷ lệ (%)	2.0	-14.7	-23.9	2.3	3.1	3.1	-10.9

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Phòng QLRR - Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.

Qua số liệu cho thấy tỷ lệ chuyển luồng tờ khai còn khá cao, đặc biệt là tỷ lệ chuyển từ luồng vàng sang luồng đỏ (trung bình chiếm 38% - 42% tổng số tờ khai chuyển luồng). Tỷ lệ chuyển từ luồng xanh sang luồng vàng cũng khá cao (chiếm 17%- 23% tổng số tờ khai chuyển luồng). Tỷ lệ chuyển từ luồng vàng, luồng đỏ về luồng xanh khá khiêm tốn. Trong thời gian tới, Cục cần chú trọng tới công tác QLRR nhiều hơn nữa.

Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là theo quy định các văn bản về công tác QLRR chủ yếu để ở dạng file cứng theo chế độ “mật”, chưa được cập nhật thường xuyên trên hệ thống thông tin QLRR để các đơn vị có thể khai thác, tham khảo. Do đó, trong thời gian tới Cục nên tổng hợp danh sách các văn bản về công tác QLRR và đăng tải trên Mục tài liệu, hồ sơ chuyên đề hệ thống Cloud officen để các đơn vị khai thác. Đồng thời sao gửi đến các đơn vị có liên quan để thực hiện (theo chế độ Mật).

Đến nay, tỷ lệ tờ khai phải chuyển luồng từ năm 2013 thấp hơn so với toàn Ngành. Điều này thể hiện việc áp dụng QLRR của Cục là có hiệu quả.

Bảng 2.9: Tình hình vi phạm pháp luật hải quan

(Đơn vị: tờ khai)

Chỉ tiêu		Phát hiện vi phạm TK luồng Vàng (Tổng cục)	Phát hiện vi phạm TK luồng Đỏ (Tổng cục)	Phát hiện vi phạm TK luồng Đỏ (Cục)	Phát hiện vi phạm từ chuyển luồng.	Tổng cộng
Năm 2012	Số lượng	236	98	97	112	543
	Tỷ trọng (%)	43.46	18.05	17.86	20.63	100
Năm 2013	Số lượng	321	128	103	126	678
	Tỷ trọng (%)	47.35	18.88	15.19	18.58	100
Năm 2014	Số lượng	3,384	122	105	115	3,726
	Tỷ trọng (%)	90.82	3.27	2.82	3.09	100
Năm 2015	Số lượng	247	103	99	123	572
	Tỷ trọng (%)	43.18	18.01	17.31	21.50	100
Năm 2016	Số lượng	108	65	28	109	310
	Tỷ trọng (%)	34.84	20.97	9.03	35.16	100
Chênh lệch 2013-2012	Số lượng	85	30	6	14	135
	Tỷ trọng (%)	36.0	30.6	6.2	12.5	24.9
Chênh lệch 2014-2013	Số lượng	3,063	(6)	2	(11)	3,048
	Tỷ trọng (%)	954.2	-4.7	1.9	-8.7	449.6
Chênh lệch 2015-2014	Số lượng	(3,137)	(19)	(6)	8	(3,154)
	Tỷ trọng (%)	-92.7	-15.6	-5.7	7.0	-84.6
Chênh lệch 2016-2015	Số lượng	(139)	(38)	(71)	(14)	(262)
	Tỷ trọng (%)	-56.3	-36.9	-71.7	-11.4	-45.8

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Phòng QLRR - Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.

Nhờ áp dụng quy trình quản lý rủi ro và giám sát rủi ro nên số vụ phát hiện vi phạm pháp luật Hải quan giảm. Năm 2014, Cục Hải quan thành phố Hải Phòng phát hiện được 3,726 tờ khai vi phạm của doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu, chiếm 7.56% số tờ khai. Năm 2015 giảm xuống còn 572 tờ khai (giảm 84.6% so với năm 2014, chiếm 2.42% tổng số tờ khai). Năm 2016 giảm xuống chỉ còn 310 tờ khai (giảm 45.8% so với năm 2015, nên tỷ trọng chỉ còn 2.22% tổng số tờ khai).

Tỷ lệ tờ khai phát hiện vi phạm qua kiểm tra thực tế hàng hóa và chuyển luồng của Cục luôn đạt tỷ lệ cao so với toàn ngành, chứng tỏ hiệu quả của công tác QLRR trong việc đánh giá, nhận định những rủi ro tiềm ẩn trong quá trình làm thủ tục hải quan. Những hành vi vi phạm chủ yếu bị phát hiện là nhập khẩu hàng cấm (động, thực vật và các sản phẩm động thực vật hoang dã thuộc Danh mục của công ước CITES mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia, danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu của Việt Nam), nhập khẩu hàng hóa không đúng với khai báo về chủng loại, số lượng, chất lượng, xuất xứ...

Bảng 2.10: Số liệu xây dựng tiêu chí rủi ro và tiêu chí kiểm tra qua máy soi

(Đơn vị tính: Tiêu chí)

Chỉ tiêu		Số lượng tiêu chí rủi ro đã xây dựng		Số lượng tiêu chí rủi ro đã thanh loại		Số lượng tiêu chí còn hiệu lực	
		Tiêu chí QLRR	Tiêu chí kiểm tra qua máy soi	Tiêu chí QLRR	Tiêu chí kiểm tra qua máy soi	Tiêu chí QLRR	Tiêu chí kiểm tra qua máy soi
Năm 2012		88	67	148	12	860	459
Năm 2013		726	439	768	369	775	451
Năm 2014		22,903	19,351	32,371	15,881	13,591	3,794
Năm 2015		243,793	233,912	212,361	197,419	45,023	40,287
Năm 2016		697,717	674,990	689,884	666,496	47,755	46,593
Chênh lệch 2013-2012	Số lượng	638	372	620	357	-85	-8
	Tỷ lệ (%)	725	555	419	2975	-10	-2
Chênh lệch 2014-2013	Số lượng	22,177	18,912	31,603	15,512	12,816	3,343
	Tỷ lệ (%)	3055	4308	4115	4204	1654	741
Chênh lệch 2015-2014	Số lượng	220,890	214,561	179,990	181,538	31,432	36,493
	Tỷ lệ (%)	964	1109	556	1143	231	962
Chênh lệch 2016-2015	Số lượng	453,924	441,078	477,523	469,077	2,732	6,306
	Tỷ lệ (%)	186	189	225	238	6	16

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Phòng QLRR - Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.

Bám sát tình hình hoạt động XNK trên địa bàn Cục Hải quan thành phố Hải Phòng đã phân công các Tổ công tác tăng cường thu thập, phân tích thông

tin, dấu hiệu rủi ro theo từng thời điểm, thiết lập chỉ số tiêu chí lựa chọn kiểm tra thực tế tại cửa khẩu hoặc qua máy soi, tiêu chí lấy mẫu phân tích theo các nhóm hàng, loại hình, xuất xứ, doanh nghiệp có rủi ro cao. Cụ thể:

Năm 2012, thiết lập và cập nhật hệ thống: 88 tiêu chí rủi ro, trong đó có 67 tiêu chí kiểm tra qua máy soi; thanh loại ra khỏi hệ thống: 148 tiêu chí, trong đó có 12 tiêu chí kiểm tra qua máy soi; Số tiêu chí còn hiệu lực 860 tiêu chí, trong đó có 459 tiêu chí kiểm tra qua máy soi.

Năm 2013, thiết lập và cập nhật hệ thống: 726 tiêu chí rủi ro, trong đó có 439 tiêu chí kiểm tra qua máy soi (tăng so với năm 2012 tương ứng là 725% và 555%); thanh loại ra khỏi hệ thống: 768 tiêu chí, trong đó có 369 tiêu chí kiểm tra qua máy soi (tăng so với năm 2012 tương ứng là 419% và 2,975%); Số tiêu chí còn hiệu lực 775 tiêu chí, trong đó có 451 tiêu chí kiểm tra qua máy soi (giảm so với năm 2012 tương ứng là 10% và 2%).

Năm 2014, thiết lập và cập nhật hệ thống: 22,903 tiêu chí rủi ro, trong đó có 19,351 tiêu chí kiểm tra qua máy soi (tăng so với năm 2013 tương ứng là 3,055% và 4,308%); thanh loại ra khỏi hệ thống: 32,371 tiêu chí, trong đó có 15,881 tiêu chí kiểm tra qua máy soi (tăng so với năm 2013 tương ứng là 4,115% và 4,204%); Số tiêu chí còn hiệu lực 13,591 tiêu chí, trong đó có 3,794 tiêu chí kiểm tra qua máy soi (giảm so với năm 2013 tương ứng là 1,654% và 741%).

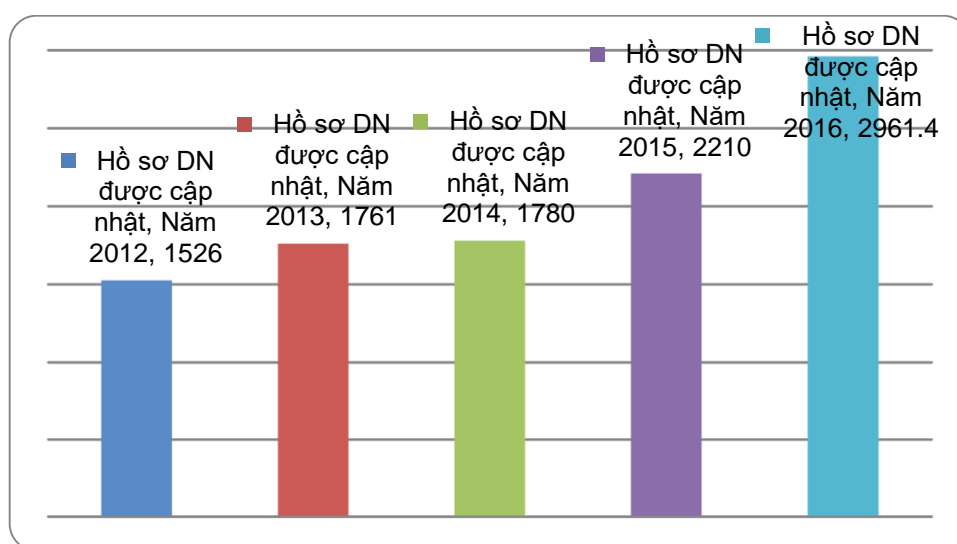
Năm 2015, thiết lập và cập nhật hệ thống: 243,793 tiêu chí rủi ro, trong đó có 233,912 tiêu chí kiểm tra qua máy soi (tăng so với năm 2014 tương ứng là 964% và 1,109%); thanh loại ra khỏi hệ thống: 212,361 tiêu chí, trong đó có 197,419 tiêu chí kiểm tra qua máy soi (tăng so với năm 2014 tương ứng là 556% và 1,143%); Số tiêu chí còn hiệu lực 45,023 tiêu chí, trong đó có 40,287 tiêu chí kiểm tra qua máy soi (giảm so với năm 2014 tương ứng là 231% và 962%).

Năm 2016, thiết lập và cập nhật hệ thống: 697,717 tiêu chí rủi ro, trong đó có 674,990 tiêu chí kiểm tra qua máy soi (tăng so với năm 2015 tương ứng là 186% và 189%); thanh loại ra khỏi hệ thống: 689,884 tiêu chí, trong đó có 666,496 tiêu chí kiểm tra qua máy soi (tăng so với năm 2015 tương ứng là 225% và 238%); Số tiêu chí còn hiệu lực 47,755 tiêu chí, trong đó có 46,593 tiêu chí kiểm tra qua máy soi (giảm so với năm 2015 tương ứng là 6% và 16%).

Như vậy, số lượng tiêu chí cập nhật, thanh loại và còn hiệu lực đều tăng nhanh ở các năm chứng tỏ công tác QLRR của Cục đã hoạt động khá hiệu quả.

Bảng 2.11: Số liệu hồ sơ doanh nghiệp

Đơn vị tính: Hồ sơ



(Nguồn: Phòng Quản lý rủi ro - Cục Hải quan thành phố Hải Phòng)

Thực hiện chỉ đạo của Tổng Cục hải quan, Cục Hải quan thành phố Hải Phòng đã đẩy mạnh công tác thu thập, trao đổi thông tin doanh nghiệp từ các đơn vị trong và ngoài ngành, nâng cao chất lượng đánh giá xếp hạng, đánh giá tuân thủ.

Năm 2014 thu thập, cập nhật vào Hệ thống Riskman 1780 hồ sơ doanh nghiệp, năm 2015 thu thập, cập nhật 2210 hồ sơ, tăng 28,6% so với năm 2014, tăng 110% so với chỉ tiêu đăng ký (1.052 hồ sơ doanh nghiệp). Năm 2106 thu

thập, cập nhật 2962 hồ sơ, tăng 34% so với năm 2015. Chất lượng hồ sơ doanh nghiệp ngày càng tăng lên, nội dung thông tin ngày càng đa dạng.

Ngoài thông tin do doanh nghiệp cung cấp theo đề nghị của cơ quan Hải quan, thông tin thu thập từ Internet, thông tin từ các hoạt động nghiệp vụ, đã chú trọng công tác phối hợp thu thập thông tin doanh nghiệp từ các cơ quan, đơn vị chức năng trên địa bàn (đặc biệt các nhóm thông tin về tài chính, thông tin liên quan đến chấp hành pháp luật thuế, thông tin doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh, bị thu hồi giấy phép,...) phục vụ việc rà soát, đánh giá mức độ tuân thủ doanh nghiệp được chính xác.

Tuy nhiên, công tác thu thập thông tin từ doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn do phụ thuộc vào sự chủ động và chia sẻ của doanh nghiệp, một số doanh nghiệp thay đổi địa chỉ kinh doanh hoặc ngừng hoạt động, nhiều doanh nghiệp không cung cấp thông tin do phải cung cấp mẫu phiếu thu thập thông tin cùng lúc cho nhiều cục Hải quan nơi doanh nghiệp làm thủ tục hải quan.

Hiện nay tại các Chi Cục, cán bộ làm công tác QLRR chủ yếu là kiêm nhiệm, với khối lượng công việc ngày càng tăng liên quan đến công tác thu thập, cập nhật thông tin doanh nghiệp; theo dõi, rà soát tờ khai hủy, sửa, treo; công tác báo cáo... nên dẫn đến tình trạng quá tải trong công việc. Trong thời gian tới Cục nên bổ sung cán bộ chuyên trách làm công tác QLRR để đảm bảo công việc được hiệu quả, đúng quy định.

** Về công tác phối hợp của Phòng QLRR*

Nhờ áp dụng quy trình quản lý rủi ro mà số vụ phát hiện vi phạm pháp luật Hải quan tăng lên đồng thời số thu về cho ngân sách cũng tăng.

Năm 2016, Cục Hải quan thành phố Hải Phòng chuyển thông tin nghi vấn cho các đơn vị kiểm tra, rà soát 16 vụ, tiền thuế ấn định 15,160 tỷ đồng, (năm 2015: tiền thuế ấn định 2,738 tỷ đồng). Trong đó:

+ Chuyển thông tin cho các Chi cục Hải quan: Tổng số vụ: 8 vụ (đã có kết quả 7 vụ), các Chi cục ấn định 3,331 tỷ đồng tiền thuế.

Nội dung đã rà soát: than củi XK, gỗ ván lạng từ gỗ keo rừng trồng XK, các loại màn hình hiển thị báo lùi gương ô tô, bảng led, ma trận,..Phụ gia thức ăn gia súc, chất tạo mùi, thiết bị mát xa tầm nhiệt, phoi tiện thép không gỉ, màng bọc thực phẩm PVC, sữa bột nguyên liệu dùng trong chế biến thực phẩm, rà soát các đối tượng hưởng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt from E,AK, kiểm tra mặt hàng XK dây đồng tinh luyện.

+ Chuyển thông tin cho Chi cục Kiểm tra sau thông quan: Tổng số vụ: 8 vụ (đã có kết quả 5 vụ), ấn định 11,829 tỷ đồng.

Nội dung đã rà soát: vải không dệt C/O mẫu E ; mặt hàng than củi xuất khẩu, Lĩnh vực GC-SXXK, Thép buộc tàu loại xoắn xuôi xoắn ngược, Công cụ mài bóng Pad đánh bóng bằng nhựa, thép cán nóng, gia vị dạng bột đã pha chế dùng để sản xuất xúc xích

+ Mặt hàng hạt nhựa PP dạng nguyên sinh, đã ấn định thuế 455 triệu đồng đối với 34 tờ khai; mặt hàng than củi XK đã ấn định thuế gần 95 triệu đồng đối với 07 tờ khai; mặt hàng sữa rửa mặt ấn định thuế gần 80 triệu đồng.

+ Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Hải Phòng khu vực II kiểm tra tính hợp lệ C/O mẫu E, mặt hàng thuốc đông y nhập khẩu. Kết quả: DN nộp bổ sung 02 tờ khai là 617 triệu đồng.

+ Rà soát, sử dụng kết quả phân tích phân loại: Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Hải Phòng khu vực III và Chi cục Đầu Tư Gia Công đã ấn định thuế với số tiền thuế tăng thêm hơn 156 triệu đồng.

- Chuyển Chi cục Kiểm tra sau thông quan tiến hành kiểm tra, rà soát việc phân loại, áp mã không thống nhất đối với các mặt hàng: ống thép, Optima-100, sữa rửa mặt (11 tờ khai), TPCN Reviv (14 tờ khai), thức ăn chăn nuôi (35 tờ khai), N-Hexan (46 DN), thạch sữa chua, nước uống dinh dưỡng (38 tờ

khai). Chi cục Kiểm tra sau thông quan đã ấn định thuế mặt hàng Optima-100 đối với doanh nghiệp với số tiền thuế trên 579 triệu đồng.

Tổng số tiền thuế các đơn vị đã ấn định thuế: 1,982 tỷ đồng

Đối với các mặt hàng trên, các đơn vị vẫn tiếp tục thực hiện kiểm tra, rà soát theo chỉ đạo của Lãnh đạo Cục.

*** Về quản lý và vận hành máy soi container:**

Kết quả kiểm tra bằng máy soi cố định cho thấy, trong giai đoạn 2012 - 2016, tỷ lệ mở kiểm qua các năm có xu hướng giảm (năm 2014 là 23.1%, năm 2015 giảm còn 5.3% và năm 2016 giảm xuống còn 2.72%). Tỷ lệ phát hiện vi phạm trên mở kiểm khá cao và có xu hướng tăng: năm 2014 là 12%, năm 2015 giảm còn 10.6 % và năm 2016 là 12.2%. Tổng thu cho ngân sách từ phạt vi phạm hành chính là 932 triệu đồng năm 2015 và 631.5 triệu năm 2016. Số tiền thuế tăng thêm là 1,699 triệu đồng năm 2014 và 889.6 triệu năm 2016.

Bảng 2.12: Kết quả kiểm tra hàng XNK qua máy soi container cố định.

Chỉ tiêu		Tổng số tờ khai	Tổng số cont soi	Tổng số cont kiểm thủ công	Tỷ lệ mở kiểm	Tổng số cont vi phạm	Tỷ lệ phát hiện vi phạm/mở kiểm	Tổng số tiền phạt VPHC	Tổng số tiền thuế tăng thêm
Đơn vị tính		Tờ khai	Cont	Cont	%	Cont	%	Triệu đồng	Triệu đồng
2012		2,698	3,549	1,287	36.3	69	5.4	471	1,084
2013		2,757	3,664	1,207	32.9	71	5.9	486	1,128
2014		1,026	5,276	1,218	23.1	157	12.9	895	1,699
2015		12,633	15,470	822	5.3	87	10.6	932	2,524
2016		11,945	16,602	452	2.7	55	12.2	631.5	889.6
Chênh lệch 2013-2012	Số lượng	59	115	(80)	(3)	2	1	15	44
	Tỷ lệ (%)	2.19	3.24	(6.22)	(9.16)	2.90	9.72	3.18	4.06
Chênh lệch 2014-2013	Số lượng	(1,731)	1,612	11	(10)	86	7	409	571
	Tỷ lệ (%)	(0.63)	0.44	0.01	(0.30)	1.21	1.19	0.84	0.51
Chênh lệch 2015-2014	Số lượng	11,607	10,194	(396)	(18)	(70)	(2)	37	825
	Tỷ lệ (%)	1,131.29	193.21	(32.51)	(76.98)	(44.59)	(17.89)	4.13	48.56
Chênh lệch 2016-2015	Số lượng	(688)	1,132	(370)	(3)	(32)	2	(301)	(1,634)
	Tỷ lệ (%)	(5.45)	7.32	(45.01)	(48.76)	(36.78)	14.97	(32.34)	(64.75)

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của phòng QLRR

Ngoài hệ thống máy soi container cố định, ngày 19/03/2013, Cục Hải quan thành phố Hải Phòng đã đưa tiếp máy soi container di động vào hoạt động chính thức tại Cảng Green Port. Cả hai hệ thống có vai trò quan trọng trong việc kiểm tra hàng hóa XNK, đẩy nhanh thông quan và đảm bảo yêu cầu kiểm tra chặt chẽ của Hải quan.

Kết quả kiểm tra bằng máy soi di động trong giai đoạn 2013 – 2016 cho thấy, tỷ lệ mở kiểm qua các năm có xu hướng tăng (năm 2014 là 5,7%, năm 2015 giảm xuống còn 1.1% và năm 2016 là 2.2%). Tỷ lệ phát hiện vi phạm trên mở kiểm khá cao và có xu hướng tăng: năm 2014 là 12.6%, năm 2015 tăng lên 40% và năm 2016 là 35.8%. Tổng thu cho ngân sách từ phạt vi phạm hành chính tăng từ 258 triệu đồng năm 2014 lên 413.6 triệu năm 2016. Số tiền thuế tăng thêm tăng là 487 triệu đồng năm 2014 và 267.8 triệu năm 2016.

Bảng 2.13: Kết quả kiểm tra hàng XNK qua máy soi container di động.

Chỉ tiêu	Tổng số Tờ khai	Tổng số cont soi	Tổng số cont kiểm thủ công	Tỷ lệ mở kiểm	Tổng số cont vi phạm	Tỷ lệ phát hiện vi phạm/ mở kiểm	Tổng số tiền phạt VPHC	Tổng số tiền thuế tăng thêm	
Đơn vị tính	Tờ khai	Cont	Cont	%	Cont	%	Trđ	Trđ	
2013	574	641	148	23.1	18	12.2	121	312	
2014	7128	6251	356	5.7	45	12.6	258	487	
2015	9472	10038	115	1.1	46	40.0	285	359	
2016	5041	6366	137	2.2	49	35.8	413.6	267.8	
Chênh lệch 2014-2013	Số lượng	6,554	5,610	208	(17)	27	0	137	175
	Tỷ lệ (%)	11.42	8.75	1.41	(0.75)	1.50	0.04	1.13	0.56
Chênh lệch 2015-2014	Số lượng	2,344	3,787	(241)	(5)	1	27	27	(128)
	Tỷ lệ (%)	32.88	60.58	(67.70)	(79.88)	2.22	216.44	10.47	(26.28)
Chênh lệch 2016-2015	Số lượng	(4,431)	(3,672)	22	1	3	(4)	129	(91)
	Tỷ lệ (%)	(46.78)	(36.58)	19.13	87.85	6.52	(10.58)	45.12	(25.40)

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của phòng QLRR.

2.3.Những tồn tại, hạn chế

Những kết quả và ưu điểm của quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS là không thể phủ nhận, tuy nhiên chúng ta cũng cần nhìn nhận những tồn tại, hạn chế hiện nay để có hướng khắc phục trong thời gian tới.

✓ Về các rủi ro

Trước hết việc tiếp nhận, kiểm tra, cấp số đăng ký, phân luồng tờ khai điện tử của Hệ thống thông quan điện tử vẫn còn chứa đựng khá nhiều rủi ro, mặc dù việc phân luồng được nghiên cứu khá kỹ và hợp lý dựa vào bộ tiêu chí rủi ro được xây dựng.

Tình trạng doanh nghiệp gian lận về trị giá, phân loại hàng hoá, thuế suất, xuất xứ, sở hữu trí tuệ, khai báo sai về số lượng, chủng loại, chất lượng,...vẫn xảy ra nhằm làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc tránh chính sách quản lý hàng hoá XNK của Nhà nước.

Tình trạng gian lận thương mại, buôn lậu và vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới vẫn diễn ra, ngày càng phức tạp bằng nhiều thủ đoạn tinh vi nhằm trốn tránh kiểm soát hải quan.

✓ Về mặt nhận thức

Việc áp dụng quản lý rủi ro đã được Tổng cục Hải quan đưa vào thực hiện trong toàn ngành đã có một thời gian khá dài và đã tạo sự chuyển biến lớn trong phương thức quản lý hướng tới nền hải quan hiện đại và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong các khâu nghiệp vụ, đặc biệt là thực hiện thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá XNK. Tuy nhiên, cho tới nay, một bộ phận cán bộ công chức hải quan trong Ngành nói chung và Cục Hải quan thành phố Hải Phòng nói riêng chưa có sự nhận thức đầy đủ về công tác này. Trên thực tế chỉ một số bộ phận công chức làm thủ tục hải quan có kiến thức nhất định về quản lý rủi ro. Điều này làm hạn chế ít nhiều đến tính hiệu quả của việc

triển khai tổ chức thực hiện áp dụng QLRR tại các khâu công tác, nhất là cấp Chi cục.

✓ *Về tổ chức bộ máy*

Đánh giá thực trạng cho thấy mô hình tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Phòng quản lý rủi ro và các Chi cục hiện nay chưa phù hợp dẫn đến hiệu quả QLRR chưa cao, công chức làm công tác QLRR chưa đáp ứng yêu cầu cả về số lượng và chất lượng.

Phòng quản lý rủi ro là đơn vị được giao chủ trì thực hiện triển khai áp dụng quản lý rủi ro trong toàn Cục. Tuy nhiên, do thời gian thành lập chưa lâu, số lượng cán bộ công chức được đào tạo chuyên sâu, kinh nghiệm về quản lý rủi ro còn hạn chế nên cũng ảnh hưởng tới chất lượng công tác, đặc biệt mô hình tổ chức trong Phòng quản lý rủi ro chưa đáp ứng yêu cầu Quản lý rủi ro.

Cấp Chi cục chưa quy định rõ mô hình tổ chức QLRR, công chức của bộ phận QLRR thực hiện nhiệm vụ này với vai trò kiêm nhiệm, chưa được bồi dưỡng, đào tạo, hướng dẫn một cách bài bản về kỹ năng thu thập, đánh giá, xử lý thông tin nên hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu. Công tác quản lý rủi ro ở các đơn vị này mới dừng lại ở việc thu thập thông tin về doanh nghiệp do doanh nghiệp cung cấp và cập nhật vào hệ thống quản lý rủi ro.

✓ *Về phối hợp công tác trong việc thu thập thông tin*

Việc thu thập, trao đổi, chia sẻ, phản hồi thông tin giữa Phòng quản lý rủi ro với các Phòng ban tham mưu, Chi cục hải quan, Đội Kiểm soát hiện nay còn hạn chế về số lượng và chất lượng chưa cao và việc cung cấp thông tin không thường xuyên, chưa kịp thời; Việc thu thập thông tin từ các nguồn khác do các tổ chức, cơ quan ngoài ngành cung cấp cũng còn gặp nhiều khó khăn như cơ quan Thuế, Quản lý thị trường...hầu như là không có.

✓ *Chất lượng thông tin và xử lý thông tin*

Việc thu thập thông tin và xử lý thông tin là vấn đề mấu chốt, xuất phát điểm của công tác quản lý rủi ro, hiệu quả của quản lý rủi ro chính là khả năng thu thập thông tin và xử lý thông tin để xây dựng tiêu chí, cho việc xây dựng hồ sơ doanh nghiệp, hồ sơ rủi ro và áp dụng QLRR để Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử phân luồng hồ sơ.

- Chất lượng thông tin thu thập hạn chế, đặc biệt là thông tin thu thập do doanh nghiệp cung cấp. Hiện nay, thông tin quản lý hồ sơ doanh nghiệp được cập nhật vào hệ thống chủ yếu do doanh nghiệp cung cấp trong khi đó cơ quan hải quan chưa có biện pháp kiểm tra xác định độ tin cậy của các thông tin do việc kết nối, trao đổi thông tin với các cơ quan quản lý, của các Bộ, Ngành hầu như chưa được thực hiện;

- Công tác thu thập, đánh giá, phân tích thông tin, thiết lập tiêu chí rủi ro ở các Chi cục còn yếu, đa số các Chi cục thiết lập nhưng chất lượng chưa cao, hiệu quả phát hiện vi phạm không có;

- Tiêu chí QLRR còn cứng nhắc chủ yếu dựa trên chế độ chính sách và quy trình, quy định. Tỷ trọng tiêu chí phân tích còn thấp với bộ tiêu chí được áp dụng trên hệ thống, việc đánh giá, điều chỉnh, bổ sung tiêu chí chưa linh hoạt, kịp thời;

- Năng lực phân tích đánh giá rủi ro còn hạn chế, thiếu tính dự báo; khả năng đối phó với gian lận thương mại, các nguy cơ buôn lậu còn chậm, thậm chí bị động.

2.4. Nguyên nhân của hạn chế khi áp dụng áp dụng quản lý rủi ro vào trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

2.4.1. Nguyên nhân khách quan

Có nhiều nguyên nhân khách quan khiến tiến trình áp dụng QLRR vào quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa XNK không được như mong muốn. Một số trong những nguyên nhân khách quan chủ chốt là:

- QLRR là nghiệp vụ tương đối mới đối với hầu hết các Chi cục và cán bộ công chức hải quan, đặc biệt là các cán bộ kiêm nhiệm. Do đó trong một thời gian ngắn ngành hải quan nói chung, từng cán bộ hải quan thành phố Hải Phòng nói riêng chưa kịp chuẩn bị đầy đủ để thích nghi nên dẫn đến vừa thiếu cơ sở vật chất, vừa thiếu kỹ năng cần thiết.

- Áp lực công việc cao đối với đối với các tổ chức hải quan nói chung, nhân viên hải quan nói riêng. Trong nhiều năm trở lại đây, nhất là từ khi nước ta mở cửa thị trường trong nước, khuyến khích xuất khẩu và giao lưu kinh tế khối lượng hàng hóa XNK và thông quan khá lớn và liên tục tăng. Trong khi đó nguồn lực và con người không tăng với tốc độ tương ứng. Vì thế có tình trạng quá tải và không có thời gian học kỹ năng mới ở đa phần các cơ quan hải quan và nhân viên. Hơn nữa, do phải cải cách và hiện đại hóa nhanh để phục vụ cho tiến trình hội nhập của nền kinh tế cơ quan hải quan đã phải thực hiện nhiều nội dung cải cách một lúc như đổi mới mã số, đổi mới phương thức tính trị giá hải quan, áp dụng các loại thuế mới, áp dụng hải quan điện tử, khai hải quan từ xa, phát triển khai thuê hải quan... nên ngành hải quan không có điều kiện đầu tư tương xứng cho QLRR.

- Quá trình soạn thảo và ban hành các quy trình thường chậm, thiếu đồng bộ, chấp vá. Hơn nữa, khi thế giới khó khăn, trong nước khó khăn thì nguồn lực trong nước và nước ngoài dành cho cải cách hải quan không được ưu tiên.

Ngoài ra, trong bối cảnh suy thoái, chính sách thương mại thay đổi cũng làm gián đoạn một phần tiến trình áp dụng QLRR.

Do quá trình thực hiện quản lý nhiều năm trước đây của hải quan Việt Nam nói chung và Cục Hải quan thành phố Hải Phòng nói riêng quá chú trọng đến kiểm soát trực tiếp nên không có điều kiện hình thành đội ngũ nhân viên có tri thức và trình độ khoa học cao để làm nhiệm vụ phân tích phân tích rủi ro. Hệ thống thông tin cũng không được chú trọng thu thập, xử lý và lưu giữ một cách hệ thống nên khi triển khai QLRR ngành hải quan phải xây dựng hệ thống thông tin phục QLRR ngay từ những khâu đầu tiên nên không thể đầy đủ và đồng bộ ngay được.

Một nguyên nhân khác quan nữa là đội ngũ doanh nhân ở nước ta chưa trưởng thành, có lịch sử phát triển ngắn nên chưa hành thành các chuẩn mực đạo đức kinh doanh nền tảng. Vì thế xác suất rủi ro không tuân thủ khá lớn. Trong khi đó hệ thống chế tài thực thi theo luật và hệ thống giải quyết tranh chấp có hiệu quả thấp nên chưa tạo được nền tảng tin tưởng cần thiết để thực hành QLRR. Biểu hiện rõ nhất là số vi phạm pháp luật hải quan những năm gần đây vẫn tiếp tục ở mức độ cao và chưa thấy xu hướng giảm, trong khi đó áp lực tăng thu và quy trình phân cấp QLRR chưa thật sự rõ ràng đã khiến nhân viên hải quan e ngại khi áp dụng QLRR. Họ ngại sự cố gây trách nhiệm nên cố níu kéo quan điếm và cơ chế kiểm soát chặt chẽ.

Do đặc thù của ngành hải quan thường xuyên luân chuyển cán bộ công chức từ khâu nghiệp vụ này sang khâu nghiệp vụ khác, một số cán bộ có kinh nghiệm trong QLRR, dẫn tới tình trạng không có cán bộ chuyên sâu về nghiệp vụ QLRR.

2.4.2. Nguyên nhân chủ quan

Các nguyên nhân chủ quan nằm hệ thống chính sách liên quan và con người thực thi QLRR.

- Thứ nhất, hệ thống chính sách và luật pháp kinh tế ở nước ta đang trong quá trình hình thành và dung hòa với các nước khác nên hay thay đổi và chưa được rà soát kỹ càng để loại trừ các bất đồng cũng như bổ sung nhiều điểm khiếm khuyết. Chính vì thế QLRR buộc phải triển khai trên nền tảng chính sách phân tán, đôi khi không nhất quán và thậm chí còn mâu thuẫn với nhau.
- Thứ hai, một số bộ phận cán bộ công chức chưa đáp ứng yêu cầu cải cách hải quan theo hướng hiện đại nhưng ngại học tập, thay đổi. Trên thực tế họ là những người cố níu kéo cách làm cũ vừa để phù hợp với cá nhân vừa để có lợi ích riêng từ công việc kiểm soát trực tiếp. Nếu không tuyên truyền để họ thay đổi thì quá trình cải cách theo hướng áp dụng QLRR sẽ khó. Bên cạnh đó, sự thiếu phối hợp giữa các cơ quan Bộ, ngành, cấp chính quyền địa phương và cá nhân (vấn đề chữ ký số, quy hoạch cảng, mã số hàng hóa...) càng làm cho việc kết nối, trao đổi thông tin chưa đạt hiệu quả.
- Thứ ba, Tổng cục Hải quan còn chậm triển khai một số công đoạn tạo tiền đề cho các công đoạn áp dụng QLRR khác. Các chương trình phần mềm của từng nhóm nội dung công tác nghiệp vụ Hải quan chưa tương thích với nhau và khó tích hợp để phục vụ mô hình quản lý mới. Chương trình tự động hóa phục vụ thí điểm thủ tục hải quan điện tử còn bất cập trong triển khai thực hiện, mức độ tự động hóa thấp; khả năng kết nối mạng với kho bạc, ngân hàng..., hạ tầng mạng chưa ổn định, chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý, không đảm bảo an ninh an toàn; phần mềm và dữ liệu cho hệ thống QLRR còn nhiều hạn chế.
- Thứ tư, bản thân ngành Hải quan thời gian qua cũng chưa có một quy định cụ thể, rõ ràng về công việc và trách nhiệm của các cấp đơn vị hải quan và cá nhân không tích cực áp dụng QLRR. Do vậy nảy sinh tư tưởng chây ì, ỷ lại của các đơn vị, cho rằng QLRR là việc của cấp khác, chỉ khi nào cấp trên chỉ đạo gắt gao mới nhúc nhích triển khai.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO TRONG THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ VÀ THÔNG QUAN TỰ ĐỘNG VNACCS/VCIS TẠI CỤC HẢI QUAN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

3.1. Định hướng phát triển của ngành Hải quan, Cục Hải quan thành phố Hải Phòng đối với việc áp dụng quản lý rủi ro trong giai đoạn 2012-2016 tầm nhìn 2020

3.1.1. Định hướng phát triển của ngành Hải quan khi thực hiện cam kết khi gia nhập WTO

Hải quan là một trong những lĩnh vực được Việt Nam cam kết nhiều khi gia nhập WTO. Các cam kết thể hiện trên 10 vấn đề: Thực hiện xác định trị giá hải quan theo WTO; Đơn giản hóa thủ tục hải quan để tạo thuận lợi cho thương mại; Thực hiện các quy định về phí và lệ phí trong WTO; Thực hiện các quy định về xuất xứ trong WTO; Thực hiện các quy định về tự do quá cảnh; Tăng cường chống buôn lậu, gian lận thương mại; Nâng cao năng lực, trình độ quản lý; Hiện đại hóa quản lý HQ; Thực hiện yêu cầu an ninh chống khủng bố quốc tế; Thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới theo Hiệp định TRIPS.

Những cam kết cơ bản

Xác định giá hải quan: Kể từ ngày gia nhập, Việt Nam sẽ áp dụng đầy đủ các quy định của WTO liên quan đến xác định giá trị hải quan. Việt Nam sẽ đảm bảo rằng bất kỳ phương thức xác định trị giá hải quan nào cũng sẽ được áp dụng phù hợp với quy định của WTO. Việt Nam cũng cam kết không cho phép cơ quan hải quan áp dụng lại quy định về giá nhập khẩu tối thiểu hay là danh mục giá mang tính áp đặt nhằm hạn chế nhập khẩu.

Quy tắc xuất xứ: Việt Nam cam kết kể từ ngày gia nhập WTO, pháp luật và các quy định khác của Việt Nam về quy tắc xuất xứ đối với cả hàng hóa được buôn bán theo thỏa thuận mậu dịch ưu đãi và theo quy chế Tối huệ quốc sẽ được áp dụng đúng theo các quy định của Hiệp định về Quy tắc xuất xứ của WTO. Liên quan đến các quy tắc về xuất xứ ưu đãi và không ưu đãi, Việt Nam cam kết sẽ không ảnh hưởng đến các biện pháp hoặc công cụ của chính sách thương mại mà theo đó quy tắc xuất xứ được áp dụng, Việt Nam sẽ không sử dụng các quy tắc này như một công cụ để theo đuổi các mục tiêu thương mại một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

Đơn giản hóa thủ tục Hải quan: Các thủ tục Hải quan nhìn chung sẽ phải đảm bảo không gây rào cản cho thương mại và phải được Hải quan thực hiện phù hợp với các chuẩn mực quốc tế theo Công ước Kyoto, bao gồm các chuẩn mực về thông quan, thủ tục Hải quan, thuế quan và kiểm tra Hải quan.

Quy định phí và lệ phí: Các khoản phí hải quan thu trên hoạt động xuất nhập khẩu sẽ phải đảm bảo không vì mục đích số thu hoặc tạo rào cản thương mại chỉ thu bằng mức dịch vụ cung cấp.

Quá cảnh: VN cam kết tuân thủ hoàn toàn các quy định của WTO về quá cảnh ngay khi gia nhập, đặc biệt là Điều V của Hiệp định GATT 1994. Hàng hóa quá cảnh được lưu ở kho ngoại quan hoặc kho Hải quan phải nộp phí lưu kho theo quy định của Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan. Hàng quá cảnh được lưu ở kho không thuộc Hải quan sẽ nộp phí và lệ phí cho những doanh nghiệp cung cấp dịch vụ lưu kho theo mức quy định riêng của từng doanh nghiệp.

Tình hình thực hiện các cam kết của Hải quan theo tinh thần của WTO

Trong suốt quá trình cải cách của ngành Hải quan từ năm 1998 đến nay, các nội dung trên đã được từng bước thực hiện, đặc biệt từ khi có Luật Hải quan (2001); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan (2005)

và Luật Hải quan (2014) thì các nội dung trên đã được tăng cường triển khai thực hiện theo những định hướng rõ hơn, tập trung hơn vào các yêu cầu của WTO.

Về đơn giản hóa thủ tục Hải quan để tạo thuận lợi cho thương mại: Hải quan phải tuân thủ hoàn toàn các cam kết liên quan như sẽ thực hiện đầy đủ các quy định về tự do quá cảnh, về phí và thủ tục liên quan xuất nhập khẩu. Việt Nam đã tham gia Công ước Quốc tế về đơn giản hóa và hài hòa thủ tục Hải quan (1973) và hiện nay đang chuẩn bị tham gia Công ước sửa đổi (1999). Mặc dù vậy, trong thực tế, nhiều nội dung cơ bản của Công ước đã được chuyển hóa vào Luật Hải quan và triển khai thực hiện trong thời gian qua. Đơn giản hóa thủ tục hải quan cũng là nội dung quy định trong phần 6 của Chương trình hành động OSAKA trong APEC mà Hải quan Việt Nam đã thực hiện. Đây cũng còn là nội dung quy định tại điều 6 của Hiệp định Hải quan ASEAN về thủ tục Hải quan, quy định bao quát của một loại nội dung về hải quan trong Hiệp định khung ASEAN về Hội nhập các lĩnh vực ưu tiên ký năm 2004, là các hoạt động cụ thể trong đề án Kiểm tra một cửa trong ASEAN mà Hiệp định về Kiểm tra một cửa trong ASEAN vừa được ký kết đầu tháng 12-2005. Trong khuôn khổ Hợp tác vùng sông Mêkông mở rộng, là các Điều 4, 7, 8, 18 của Hiệp định giữa Chính phủ các nước CHDCND Lào, Thái Lan, Myanmar, Campuchia, Trung Quốc và CHXHCN Việt Nam về tạo điều kiện thuận lợi cho vận tải hàng hóa và người qua lại biên giới, mà điểm nhấn của nó là các dự án kiểm tra một lần giữa các cặp cửa khẩu đối diện của các nước trong vùng. Cũng trong định hướng này, Hải quan Việt Nam chuẩn bị triển khai dự án hiện đại hóa, đây được coi là bước đột phá, thay đổi về công nghệ quản lý Hải quan. Định hướng này cũng đã được chuẩn bị về cơ sở pháp lý với việc xây dựng Luật Hải quan 2001, Luật sửa đổi bổ

sung một số điều của Luật Hải quan 2005, Luật Hải quan 2014 và hàng loạt văn bản hướng dẫn thực hiện đồng bộ.

Về xác định trị giá Hải quan: Hải quan Việt Nam đã bãi bỏ việc áp dụng bảng giá tối thiểu và cam kết sẽ tuân thủ hoàn toàn Hiệp định thực thi Điều VII về trị giá GATT khi gia nhập WTO. Việc làm này cũng phục vụ cùng mục tiêu của các nền kinh tế APEC và tuân thủ điều 5 của Hiệp định Hải quan ASEAN

Thực hiện danh mục hàng hoá HS: Tham gia Công ước HS từ 1998, Việt Nam đã áp dụng hoàn toàn Danh mục HS vào Danh mục biểu thuế, áp dụng hoàn toàn các chú giải Phần, chương, phân chương. Hiện nay, Việt Nam đang thực hiện danh mục AHTN thực hiện theo HS 2012.

Thực hiện bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng XNK tại biên giới: Mặc dù chưa gia nhập WTO nhưng Việt Nam đã nội luật hóa một số quy định của Hiệp định TRIPS trong Luật Hải quan. Đây cũng là việc thực hiện Phần 6 về Thủ tục Hải quan của Chương trình hành động OSAKA trong APEC, Điều 15 về Thực thi Quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới trong Hiệp định Thương mại song phương Việt - Mỹ. Đến nay đã có hệ thống văn bản pháp luật gồm Luật Hải quan, Nghị định, Thông tư liên tịch, các văn bản hướng dẫn khác tương đối đầy đủ, tiếp cận các quy định của các Hiệp định TRIPS, BTA, Luật mẫu của WCO

Thực hiện các quy tắc xuất xứ: Ban hành Nghị định số 19/2006/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hoá dựa trên các chuẩn mực của Công ước Kyoto và Hiệp định về xuất xứ hàng hoá của WTO, cam kết theo Phần 6-Thủ tục Hải quan của Chương trình hành động OSAKA trong APEC, Quy chế hoạt động của Quy tắc xuất xứ CEPT trong ASEAN, Điều 1 Chương 1 của Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ ứng dụng công nghệ thông tin: Từ năm 2000 đã xây dựng kế hoạch hành động cho kế hoạch dài hạn ứng

dụng CNTT, bao gồm: Đẩy mạnh quá trình tin học hoá các khâu nghiệp vụ Hải quan, đẩy nhanh quá trình trang bị máy tính, triển khai mạng LAN, mạng WAN trên toàn ngành Hải quan, triển khai hệ thống quản lý văn bản trên toàn ngành, xây dựng trang Web Hải quan và triển khai thực hiện thông quan điện tử trên tất cả các loại hình tại các Cục hải quan trên toàn quốc.

Chống buôn lậu, gian lận thương mại: Triển khai hệ thống Thu thập, xử lý thông tin nghiệp vụ hải quan để phục vụ việc thông quan hàng hoá, Kiểm tra sau thông quan, Điều tra CBL và quản lý hải quan hiện đại. Triển khai áp dụng hệ thống quản lý rủi ro trong hoạt động Kiểm soát hải quan và thông quan hàng hoá.

Đào tạo cán bộ theo yêu cầu nhiệm vụ mới: Đã xây dựng chương trình đào tạo cho các loại đối tượng học viên từ cấp Cục, Vụ đến các công chức thừa hành. Đến năm 2015 đảm bảo đội ngũ cán bộ, công chức trong toàn ngành hải quan có trình độ kỹ thuật nghiệp vụ cơ bản và trình độ chuyên sâu về các lĩnh vực như HS, trị giá GATT; xuất xứ; chống buôn lậu; kiểm tra sau thông quan...

Minh bạch hoá chính sách và các quy định của Hải quan: Hiện nay, các quy định về minh bạch hoá về cơ bản đã đáp ứng các yêu cầu của WTO, các qui định tại Phụ lục tổng quát, Chương 9 Công ước Kyoto sửa đổi, tại Chương trình hành động OSAKA trong APEC, tại Điều 1, Chương VI, Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ. Luật và các văn bản hướng dẫn được ban hành, thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định; nội dung đồng bộ, thống nhất. Cộng đồng doanh nghiệp được mời tham gia đóng góp ý kiến đối với việc xây dựng Luật và các văn bản hướng dẫn. Xây dựng website Hải quan để cập nhật các thông tin liên quan tới chính sách, chế độ và thủ tục Hải quan...

Hiện đại hoá hải quan: Đã thực hiện Kế hoạch cải cách, phát triển, hiện đại hoá Hải quan giai đoạn 2011-2020, Dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị cho Dự

án hiện đại hoá Hải quan, Tăng cường năng lực cho đội ngũ giảng viên cao cấp phục vụ tiến trình hiện đại hoá hành chính Hải quan giai đoạn 2011-2020. Thực hiện Dự án thử nghiệm về thông quan hàng hoá hợp tác giữa Mỹ và Việt Nam trong khuôn khổ APEC.

An ninh chống khủng bố: Hải quan Việt Nam đã tuyên bố ý định thực hiện Khung tiêu chuẩn về An ninh và Tạo thuận lợi cho Thương mại toàn cầu. Đang tham gia một số nội dung về hỗ trợ kỹ thuật, tập huấn của Chương trình kiểm soát xuất khẩu Mỹ; có tham gia nhóm làm việc liên ngành về vấn đề Sáng kiến an ninh Công ten nơ.

3.1.2. Định hướng phát triển của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

Thực hiện tốt các mục tiêu của ngành Hải quan trong kế hoạch cải cách, phát triển, hiện đại hoá giai đoạn 2011 – 2015 và hướng đến 2020 và các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội Thành Phố Hải Phòng, góp phần đảm bảo an ninh quốc gia, an toàn xã hội. Trong đó đẩy mạnh triển khai thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo cả chiều rộng lẫn chiều sâu, trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu tập trung và triển khai áp dụng quản lý rủi ro trong quy trình thủ tục hải quan, kiểm tra, kiểm soát hải quan; tăng cường công tác kiểm tra sau thông quan; sử dụng các trang thiết bị hiện đại trong kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; tăng cường năng lực và hệ thống giám sát hải quan; chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất đảm bảo thực hiện cải cách hiện đại hóa trong đó tích cực xây dựng địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung; chuẩn hóa mô hình tổ chức bộ máy phù hợp với yêu cầu quản lý hải quan hiện đại.

- Rà soát, rút kinh nghiệm việc chạy thử hệ thống VNACCS/VCIS, tập trung nguồn lực để tiếp tục thực hiện tốt thủ tục hải quan điện tử và vận hành các hệ thống tiếp nhận thông tin khai báo hàng hóa e-manifest, thanh toán điện tử e-

payment,... tiến tới tiếp nhận vận hành hệ thống VNACCS/VCIS thành công theo đúng kế hoạch của Tổng cục Hải quan.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả các trang thiết bị, công cụ hỗ trợ các hoạt động kiểm tra, giám sát hải quan;

- Về cơ bản, các thủ tục và chế độ quản lý hải quan được đơn giản, hài hòa, tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Thủ tục hải quan được thực hiện hoàn toàn bằng phương thức điện tử trên nền tảng áp dụng mô hình xử lý cơ sở dữ liệu tập trung.

- Thực hiện cơ bản cơ chế một cửa hải quan quốc gia, giảm thời gian giải phóng hàng trung bình đối với hàng hóa xuất nhập khẩu ngang bằng với các nước tiên tiến trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương.

- Chuẩn hóa nguồn nhân lực, kiện toàn bộ máy tổ chức để đáp ứng yêu cầu của quản lý hải quan hiện đại;

- Áp dụng quản lý rủi ro có hệ thống, sâu rộng và hiệu quả trong tất cả các khâu hoạt động nghiệp vụ hải quan, đóng vai trò nòng cốt cho thủ tục hải quan điện tử hỗ trợ đầy đủ có hiệu quả cho các hoạt động kiểm tra, giám sát hải quan. Tạo thuận lợi thương mại, giảm tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hoá xuống dưới 10%.

- Công tác thu thập thông tin, phân tích, đánh giá rủi ro được phát triển ngang tầm, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nghiệp vụ hải quan; đảm bảo chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn trước đối với các nguy cơ vi phạm pháp luật về hải quan.

- Quản lý tuân thủ doanh nghiệp trở thành cốt lõi trong quản lý rủi ro; xây dựng môi trường tuân thủ với sự tham gia tích cực, tự nguyện của doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.

- Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, xuyên suốt trong toàn Cục, tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cấp, Chi cục, Phòng ban trong công tác QLRR.

3.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

3.2.1. Rà soát lại các văn bản pháp quy liên quan đến hoạt động hải quan kiến nghị cấp trên bổ sung sửa đổi để cập nhật các tiêu chí giảm tỷ lệ chuyển luồng tờ khai hải quan

Cần rà soát lại các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động hải quan kiến nghị cấp trên cập nhật tiêu chí quy định vào hệ thống, giảm tỷ lệ chuyển luồng tờ khai, tạo điều kiện thông quan hàng hóa nhanh cho doanh nghiệp.

Hiện tại khung pháp lý cơ bản để áp dụng QLRR trong quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa XNK cơ bản đã hình thành, nhưng vẫn cần phải thường xuyên cụ thể hóa hơn nữa cho từng lĩnh vực và sửa chữa bổ sung kịp thời cho tương hợp với các lĩnh vực và văn bản pháp lý liên quan khác.

Trước hết, cần hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về quy trình, thủ tục hải quan sao cho pháp luật hải quan về cơ bản đầy đủ, minh bạch, không mâu thuẫn với các luật khác và đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các vấn đề phát sinh trong quá trình cải cách hiện đại hóa hải quan cũng như thực tế phát triển kinh tế, nhất là tình hình phát triển ngoại thương và hội nhập khu vực, hội nhập vào thị trường thế giới. Mặc dù Luật Hải quan mới được sửa đổi, bổ sung theo hướng áp dụng đại trà QLRR và các văn bản hướng dẫn thực hiện đã được ban hành, nhưng trong một số điểm đã phát sinh một số vấn đề cần điều chỉnh hoặc làm rõ hơn như tiêu chuẩn doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật hải quan cần được quy định cụ thể và minh bạch hơn để doanh nghiệp có thể tự kiểm soát mức tuân thủ của mình và ngăn ngừa sự lạm dụng việc quy định không rõ ràng để tăng cấp độ rủi ro của doanh nghiệp.

Trong khuôn khổ luật pháp hải quan còn có nhiều văn bản pháp luật liên quan khác như luật tổ chức nhà nước, luật thuế... Do đó cần tăng cường

tính liên kết và đồng bộ giữa các văn bản pháp lý liên ngành bằng cách chỉ rõ các điều khoản tham chiếu lẫn nhau nhằm loại bỏ sự quy định chồng chéo và nặng nề quá mức cần thiết trong hệ thống văn bản pháp lý liên quan đến quản lý hải quan.

Hơn nữa, cần tăng cường khả năng tiếp cận văn bản pháp lý của doanh nghiệp thông qua hệ thống cung cấp thông tin mở của Tổng cục Hải quan. Hệ thống thông tin của ngành phải chú ý đáp ứng hai loại yêu cầu: yêu cầu của công chức hải quan để thực hiện QLRR; yêu cầu của doanh nghiệp để tự giác tuân thủ. Nếu QLRR là nhằm tăng mức tự giác tuân thủ thì cung cấp thông tin pháp luật cho doanh nghiệp càng phải được ưu tiên.

Mặt khác, trên cơ sở rà soát các cam kết quốc tế, tiến hành sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn về nghiệp vụ hải quan, quy trình thủ tục hải quan cho phù hợp với thực tiễn và những cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập, nhất là trong các lĩnh vực mới như vi phạm của chủ hàng XNK liên quan đến rủi ro trị giá tính thuế, rủi ro không tuân thủ tiêu chuẩn hàng hóa, rủi ro về môi trường, rủi ro về an ninh, rủi ro về gian lận thương mại. Các quy định pháp lý về QLRR trong các lĩnh vực này cần liên tục cụ thể hóa theo lộ trình thực hiện cam kết của Việt Nam.

Ngoài ra cần hoàn thiện các quy trình và hướng dẫn về các lĩnh vực sau:

- + Bổ sung thêm các tiêu chí rủi ro liên quan đến vận hành hải quan điện tử và đại lý khai thuế.
- + Rà soát, hệ thống hóa phần lớn các cam kết quốc tế có liên quan đến pháp luật hải quan để xây dựng kế hoạch thích nghi. Tiếp tục nội địa hóa những điều ước quốc tế liên quan đến pháp luật hải quan để xây dựng kế hoạch thích nghi. Tiếp tục nội địa hóa những điều ước quốc tế liên quan đến lĩnh vực hải quan nói chung, QLRR nói riêng.

+ Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về minh bạch hóa các nội dung có tính quy phạm trong các quy trình nghiệp vụ QLRR, công nhận và đưa các nội dung này vào văn bản quy phạm pháp luật khác.

- Tổng kết quá trình thực hiện QLRR bước một trong ngành hải quan, chỉ rõ những chỗ cần bổ sung, sửa đổi trong các văn bản pháp lý;

+ Xây dựng quy chế, quy trình trong việc lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp và các dự thảo văn bản qui phạm pháp luật cũng như quy trình cung cấp thông tin liên quan đến QLRR.

+ Phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các hiệp hội ngành nghề, cộng đồng doanh nghiệp để thảo luận cách giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh có liên quan đến cơ chế chính sách, quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa XNK.

+ Tiếp tục duy trì hình thức tư vấn “Tổ giải quyết vướng mắc” tại các địa điểm làm thủ tục hải quan để hướng dẫn giải đáp thắc mắc cho doanh nghiệp về quy trình và yêu cầu QLRR.

+ Công khai trên trang Web Hải quan Việt Nam các văn bản pháp quy phạm pháp luật về hải quan và các văn bản hướng dẫn thực hiện QLRR bao gồm cả bản dịch ra tiếng nước ngoài của các văn bản này. Đăng tải các thông tin khác mà doanh nghiệp cần biết trên Website Hải quan.

- Hoàn thiện chính sách, giải pháp phòng ngừa buôn lậu, đồng thời đẩy mạnh công tác điều tra phát hiện các đường dây, ổ nhóm để hạn chế ngăn chặn và tiến tới đẩy lùi tệ nạn buôn lậu, gian lận trốn thuế, vận chuyển hàng cấm qua biên giới góp phần hỗ trợ cho QLRR.

3.2.2. Tập trung thu thập hồ sơ doanh nghiệp, phân tích đánh giá thông tin, trao đổi thông tin để từ xây dựng các tiêu chí áp dụng QLRR

Cần rà soát lại quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa XNK theo hướng đơn giản, hài hòa và thống nhất theo các chuẩn mực và thông lệ quốc

tế tiên tiến. Trước hết cần thu gọn số biểu mẫu, chỉ duy trì các biểu mẫu thật sự cần thiết cho hoạt động quản lý hải quan trên cơ sở tận dụng tối đa thông tin có trong hồ sơ hàng hóa và hồ sơ doanh nghiệp. Chuẩn hóa các biểu mẫu trong toàn ngành và công khai cho các doanh nghiệp XNK biết trước khi thực hiện khai hải quan.

Thông tin QLRR đã được tích hợp phải được sử dụng một cách có hệ thống và phổ biến trong toàn bộ quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa XNK, phương tiện, hành khách xuất nhập cảnh thông qua các địa bàn trọng điểm trên cơ sở áp dụng kỹ thuật QLRR, ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thông và các trang thiết bị kỹ thuật khác với một số đặc trưng cơ bản sau: Phần đầu đưa đa số hoạt động khai hải quan đối với hàng hóa XNK vào thực hiện trên hệ thống mạng; Xử lý hồ sơ thông qua mạng máy tính để tăng tính khách quan, hạn chế sự lạm dụng chủ quan của nhân viên xử lý; vận hành hệ thống phân luồng tự động trên cơ sở đánh giá mức độ rủi ro; thiết lập kết nối trao đổi dữ liệu điện tử với các hãng vận chuyển, cảng vụ, sân bay, đại lý, kho bạc, ngân hàng, các cơ quan cấp phép để tiếp nhận thông tin về hàng hóa, hành khách trước khi phương tiện nhập cảnh; Nếu có thể, tích cực thực hiện thông quan trước khi hàng đến cửa khẩu đối với các doanh nghiệp được đánh giá ở mức độ tuân thủ cao.

Ở tất cả các cửa khẩu có XNK hàng hóa, cần chú trọng cải cách các thủ tục sau:

- Thủ tục kê khai: Chuẩn hóa mẫu tờ khai để tiến tới thống nhất theo chuẩn mực của WCO và thống nhất trong khu vực ASEAN.
- Thủ tục kiểm hóa, áp thuế: Áp dụng chuẩn mực và kiến nghị của Công ước Kyoto sửa đổi, các hiệp định, công ước liên quan.
- Thủ tục thông quan. Thí điểm áp dụng các doanh nghiệp ưu tiên theo tiêu chuẩn SAPE.

- Thủ tục thanh quyết toán thuế: chuẩn bị các điều kiện để triển khai cơ chế một cửa quốc gia và ASEAN theo cam kết quốc tế.

3.2.3. Xây dựng trung tâm dữ liệu và công nghệ thông tin phù hợp với yêu cầu phân tích rủi ro.

Ưu tiên hàng đầu trong bảo đảm thông tin cho QLRR là thiết lập được hệ thống thông tin đầy đủ, hệ thống, cập nhật và phục vụ thuận tiện cho nhân viên hải quan xác định mức độ rủi ro của doanh nghiệp và hàng hóa.

Nên xây dựng trung tâm thông tin tập trung của Tổng cục hải quan để lưu giữ, xử lý và cung cấp nguồn tin chuẩn hóa cho cả hệ thống, cần xây dựng kho dữ liệu điện tử quốc gia về hàng hóa xuất nhập khẩu, về doanh nghiệp, về thông tin rủi ro phục vụ cho công tác quản lý điều hành nghiệp vụ, thống kê hải quan.

Tuy nhiên, để có nguồn tin đầu vào cho trung tâm cần chấn chỉnh lại hoạt động thống kê trong ngành theo hướng điện tử hóa, cập nhật hóa và hệ thống hóa. Đồng thời, phải coi trọng việc tạo dựng các cơ sở thu thập thông tin từ thị trường và từ doanh nghiệp theo nhiều kênh khác nhau, tận dụng các thông tin tình báo và thông tin do các tổ chức ngoại giao, nghiên cứu khoa học ở trong nước và nước ngoài cung cấp.

Tại cục hải quan các tỉnh, thành phố cần xây dựng hệ thống xử lý dữ liệu tập trung nối mạng với trung tâm dữ liệu của Tổng cục Hải quan sao cho vừa có thể trao đổi thông tin nhanh, thông suốt, vừa có thể lưu giữ, xử lý, phân loại các thông tin đặc thù địa phương. Cơ sở thông tin của các Cục hải quan cũng cần tích hợp các ứng dụng cơ bản phục vụ quy trình thủ tục tại Chi cục hải quan như hệ thống thông tin về quản lý tờ khai, quản lý thuế, quản lý phân luồng hàng hóa...

Để hình thành hệ thống thông tin hỗ trợ QLRR đầy đủ ở các khâu trong quy trình thủ tục theo tiêu chuẩn quốc tế Tổng cục Hải quan nên thành lập

công dữ liệu điện tử kết nối với các cơ quan của Bộ Tài chính, của các Bộ ngành và các đối tác có liên quan. Đưa Website Hải quan trở thành cổng thông tin điện tử cung cấp thông tin đa dạng cho người dân và doanh nghiệp, trong đó ưu tiên truyền tải các thông tin về quy trình thủ tục hải quan (hướng dẫn quy trình, các bước tiến hành, thời gian thực hiện...) cho phép khả năng tải các biểu mẫu, đơn, hồ sơ hải quan. Người khai hải quan có thể in ra giấy hoặc điền vào các mẫu khai gửi thông tin khai hải quan trước cho cơ quan Hải quan, thực hiện khai hải quan từ xa qua mạng và thông quan điện tử.

Cần nâng cấp bộ phận phân tích thông tin của Tổng cục Hải quan để có thể tích hợp một số chức năng bảo đảm thông tin cơ bản phục vụ cán bộ và đối tác. Hoạt động phân tích thông tin nên đưa vào chuẩn hóa, trong đó tập trung cho chuẩn hóa cơ sở dữ liệu phục vụ công tác QLRR.

Để có thể sử dụng được nguồn lực thông tin hiệu quả trong toàn ngành, cần chú trọng đầu tư có chọn lọc hạ tầng mạng công nghệ thông tin sao cho vừa có thể đáp ứng yêu cầu truyền tải thông tin thông suốt, đồng thời có khả năng đảm bảo an ninh, an toàn mạng. Ngoài ra, Tổng cục Hải quan cũng cần xây dựng và hoàn thiện quy chế vận hành, bảo trì, bảo dưỡng cho toàn bộ hệ thống bảo đảm thông tin trong ngành sao cho đạt mức thực hiện 90% kết nối trao đổi dữ liệu điện tử với các đơn vị thuộc Bộ Tài chính: Hải quan, Thuế, Kho bạc; Đảm bảo các Trung tâm dữ liệu của Ngành hoạt động thông suốt tới các cấp Hải quan với mức độ an ninh, an toàn cao; hình thành được tổ chức mạng lưới giá trị gia tăng (VAN) có năng lực để đảm bảo làm khâu trung gian kết nối dữ liệu điện tử giữa Hải quan và bên ngoài.

3.2.4. Cải cách bộ máy, phân nhiệm vụ công chức hải quan làm nghiệp vụ chuyên sâu về quản lý rủi ro.

Để đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa hải quan Việt Nam nói chung Cục Hải quan thành phố Hải Phòng nói riêng, trên nền tảng đó tích cực áp dụng

QLRR, bộ máy tổ chức ngành hải quan nói chung, bộ máy thực hiện QLRR nói riêng phải được đổi mới theo hướng xây dựng Hải quan thành lực lượng chuyên nghiệp, có chuyên môn sâu và hiện đại, hoạt động minh bạch, liêm chính và có hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ phát triển kinh tế đất nước. Muốn vậy, cần tích cực triển khai các giải pháp:

*** Rà soát và củng cố lại bộ máy tổ chức của ngành hải quan**

- Cụ thể hóa Luật Hải quan vào các quy trình hoạt động nghiệp vụ, rà soát toàn bộ hệ thống văn bản pháp quy có liên quan đến hoạt động hải quan để xác định rõ khu vực quản lý, xác định đúng thẩm quyền trách nhiệm của các tổ chức hải quan và trách nhiệm các cá nhân công chức hải quan để thực hiện theo Luật định. Rà soát, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung hệ thống văn bản pháp quy có liên quan đến bộ máy quản lý Hải quan;

- Tiếp tục rà soát, nghiên cứu kiện toàn bộ máy tổ chức gắn với phân công, phân cấp rõ ràng, cụ thể giữa chức năng, quyền hạn và trách nhiệm ở các cấp và từng cấp trong Ngành, trong đó cấp Tổng cục chủ yếu thực hiện nhiệm vụ tham mưu, chỉ đạo điều hành, cấp cục Hải quan địa phương thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, đôn đốc thực hiện, cấp cửa khẩu và các đội kiểm soát làm nhiệm vụ tác nghiệp cụ thể nhằm đảm bảo yêu cầu thực thi nhiệm vụ thông suốt, nhanh, đúng pháp luật, hạn chế sơ hở.

- Sắp xếp, điều chỉnh mô hình tổ chức bộ máy theo hướng tinh giảm đầu mối, cụ thể là: Sắp xếp lại tổ chức bộ máy của Cục theo hướng giảm bớt các đầu mối trung gian, mở rộng cơ chế điều hành theo trực tuyến.

- Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, cải cách thủ tục hải quan nhằm tạo môi trường thuận lợi hơn cho hoạt động xuất, nhập khẩu, đầu tư, du lịch, phát triển giao lưu văn hóa với bên ngoài. Đẩy nhanh tiến trình cải cách thủ tục hải quan theo hướng đơn giản hóa, hài hòa hóa thủ tục hải quan theo các chuẩn

mục quốc tế nhằm thực hiện thông quan hàng hóa nhanh chóng. Đảm bảo 85 – 90% hàng hóa xuất, nhập khẩu được giải phóng trong ngày.

*** Tăng cường đầu tư nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan hải quan**

- Hoàn tất lộ trình, chuẩn bị các điều kiện liên quan cần thiết về cơ sở pháp lý, về phương tiện kỹ thuật, về nhân lực... để tiếp tục tham gia và thực hiện các Điều ước quốc tế về hải quan và thực hiện các cam kết của nước thành viên.

- Thúc đẩy nhanh tiến độ đầu tư, thực hiện hiện đại hóa hoạt động hải quan, ứng dụng công nghệ thông tin vào các khâu thủ tục hải quan, trước hết ở những địa bàn và khu vực quản lý hải quan trọng điểm.

*** Tăng cường phối hợp với các cơ quan khác**

- Phối hợp với các ngành, cấp ủy và chính quyền địa phương ngăn chặn buôn lậu và vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới; Phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp gian lận thương mại nhằm thực hiện đúng chính sách kinh tế, chính sách xuất nhập khẩu, chính sách thuế, chính sách an ninh của Nhà nước.

- Chủ động phối hợp chặt chẽ với các ngành hữu quan trong việc ban hành văn bản hướng dẫn. Kịp thời phát hiện những vướng mắc, bất cập trong quá trình thực thi nhiệm vụ để sửa đổi hoặc báo cáo và đề xuất ý kiến với các cơ quan nhà nước và Chính phủ kịp thời xem xét sửa đổi, bổ sung chính sách và chỉ đạo giải quyết.

3.2.5. Nâng cao năng lực cán bộ thực hiện quản lý rủi ro. Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng quản lý rủi ro cho cán bộ Phòng quản lý rủi ro và cán bộ chuyên trách quản lý rủi ro tại các chi cục

*** Đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ QLRR**

Áp dụng QLRR vào quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa XNK đã giảm đáng kể yếu tố chủ quan, tùy tiện, tư lợi trong công tác kiểm tra hải

quan. Tuy nhiên, QLRR không có nghĩa là tự động hóa không cần cán bộ tác nghiệp cụ thể. Ngược lại còn đòi hỏi một đội ngũ cán bộ hải quan có trình độ chuyên môn cao hơn, nhất là trình độ tri thức và phương pháp làm việc hiệu quả hơn. Chính vì vậy cần tích cực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để có được đội ngũ cán bộ, công chức hải quan đáp ứng yêu cầu. Thời gian qua Cục Hải quan thành phố Hải Phòng đã có nhiều nỗ lực thực hiện bồi dưỡng cán bộ, nhưng cho đến nay việc đào tạo này còn bất cập so với yêu cầu. Để xây dựng đội ngũ cán bộ QLRR thành thạo cần thực hiện các giải pháp sau:

- Cải tiến phương thức đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế của ngành Hải quan. Kết hợp giữa cử cán bộ đi đào tạo tại các trường lớp chính quy với việc rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ tại cơ sở, đơn vị công tác. coi trọng việc truyền đạt, hướng dẫn của cán bộ quản lý, cán bộ có kinh nghiệm lâu năm đối với cán bộ trẻ, mới vào ngành công tác. Nên mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ QLRR tại nơi công tác để thu hút lượng lớn cán bộ theo học. Muốn vậy cần thay đổi cách sử dụng kinh phí đào tạo, giao kinh phí cho cấp cơ sở chủ động đào tạo nhiều hơn. Đồng thời hỗ trợ cơ sở đào tạo cán bộ thông qua việc soạn thảo, cung cấp đầy đủ tài liệu bồi dưỡng và giảng viên có trình độ và phương pháp bồi dưỡng thực hành tốt. Có thể tuyển chọn giảng viên từ những cán bộ thực hành QLRR thành thạo ở các cơ quan hải quan khác nhau. Tăng cường tìm kiếm sự hỗ trợ của nước ngoài cho hoạt động đào tạo ở cơ sở.

- Nâng cao trình độ nghiệp vụ cán bộ nên gắn với bố trí cán bộ theo chuyên sâu, thực hiện luân chuyển cán bộ cần thiết theo yêu cầu nhiệm vụ của ngành và của từng đơn vị. Tuy nhiên, trong giai đoạn khó khăn ban đầu nên ổn định cán bộ QLRR ở các khâu công việc then chốt ít nhất là 3 năm. Chú trọng nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, cơ cấu lại lực lượng làm việc giữa các cấp, giữa các khâu, giữa các địa bàn làm việc.

- Đầu tư thích đáng sự lãnh đạo và nguồn đảm bảo cho việc đào tạo lại, bồi dưỡng thường xuyên đối với công chức. Xây dựng quy hoạch đào tạo cán bộ, công chức ngành Hải quan theo các tiêu chuẩn ngạch công chức và tiêu chuẩn bổ nhiệm, sử dụng cán bộ, công chức hải quan tương xứng với các nước trong khu vực về trình độ và yêu cầu. Cần cơ cấu lại các ngành bậc công chức để giảm bớt các bất hợp lý về ngạch, bậc lương hiện nay, xây dựng tiêu chuẩn trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tiêu chuẩn cán bộ quản lý các cấp cho phù hợp với công việc đảm nhiệm và quỹ tiền lương của Ngành.

- Hoàn thiện nội dung đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ hải quan định kỳ theo các chuyên đề: Hệ thống miêu tả mã hàng hóa của hải quan thế giới, trị giá tính thuế theo GATT, về công ước KYOTO sửa đổi. về vấn đề sở hữu trí tuệ (TRIP), xuất xứ hàng hóa (C/O) kiểm tra sau giải phóng hàng, kiểm soát chống buôn lậu, ngoại ngữ chuyên ngành Hải quan...

*** Nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức hải quan**

- Tăng cường công tác giáo dục bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, tính trung thực, nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp gắn với xử lý nghiêm minh các sai phạm đối với đội ngũ cán bộ, công chức Hải quan.

- Cần thường xuyên bám sát và quán triệt nghiêm túc chủ trương, cơ chế chính sách của Đảng và Nhà nước để tổ chức thực hiện được thống nhất, đảm bảo thực hiện đúng theo yêu cầu QLRR. Thường xuyên theo dõi, giám sát và chỉ đạo thực hiện, đặc biệt đối với cấp cơ sở, nhằm đưa kỹ thuật QLRR thực tiễn hoạt động quản lý

- Xây dựng nề nếp làm việc chính quy, hiện đại và tác phong sinh hoạt lành mạnh để hỗ trợ cho QLRR.

- Xây dựng mối quan hệ cộng đồng trách nhiệm giữa Hải quan, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan trong việc tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy hoạt động thương mại và trao đổi thông tin.

- Cải tiến công tác thi đua, phát động các phong trào thi đua yêu nước trong toàn ngành với phương thức và nội dung thiết thực, phù hợp với hoạt động thực tiễn của ngành. Phát huy vai trò của các tổ chức đảng, đoàn thể trong việc giáo dục, động viên cán bộ hưởng ứng thực hiện các cam kết và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Phát hiện và nhân rộng các điển hình tiên tiến, tạo sự chuyển biến tích cực trong mỗi đơn vị, mỗi cá nhân và toàn ngành, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị mà Đảng và Nhà nước giao cho ngành Hải quan.

*** Tạo quan hệ tốt đẹp với đối tác, đối tượng quản lý hải quan**

- Bên cạnh việc đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ công chức trong Ngành, cần có kế hoạch mở lớp đào tạo cho doanh nghiệp và các đối tượng liên quan đến thủ tục hải quan về những nội dung cần thiết như danh mục hài hòa mô tả về mã hàng hóa (danh mục HS), về xác định trị giá hải quan theo GATT, về công ước KYOTO... để đảm bảo các đối tượng này nắm vững và tuân thủ đúng quy định của pháp luật, mặt khác tạo thuận lợi cho Ngành Hải quan trong quá trình làm nhiệm vụ. Đẩy mạnh công tác phổ biến tuyên truyền, giáo dục pháp luật một cách rộng rãi đối với cán bộ quản lý doanh nghiệp và nhân dân.

3.2.6. Đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp với việc áp dụng quản lý rủi ro trong quy trình thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

QLRR chỉ thực sự có chất lượng nếu nhận được sự hỗ trợ của phương tiện kỹ thuật hiện đại như hệ thống mạng thông tin, các loại máy kiểm tra... Vì thế, cân đối tài chính cho đầu tư phục vụ QLRR là giải pháp cấp bách. Có thể ứng dụng một số giải pháp sau:

- Xây dựng Trung tâm tự động hóa có hệ thống trang thiết bị máy tính và các thiết bị phụ trợ có khả năng tiếp nhận và xử lý giao dịch điện tử phát sinh từ khâu tiếp nhận lược khai, khai báo hải quan, tính thuế, thu thuế, giải phóng

hàng, giám sát cảng và kho. Để đảm bảo các điều kiện cần thiết để du trì hoạt động ổn định của Trung tâm, cần đầu tư xây dựng hệ thống dự phòng sự cố, bảo mật dữ liệu và xây dựng hệ thống các biện pháp hữu hiệu chống xâm nhập trái phép.

- Xây dựng mạng diện rộng riêng của Hải quan có khả năng chuyển tín hiệu kết nối giữa các đơn vị trong ngành với trung tâm tự động hóa. Từng bước xây dựng mạng kết nối của Hải quan với ngân hàng, kho bạc, hãng vận chuyển hàng không, cảng vụ để thực hiện các giao dịch xác nhận việc nộp thuế, giám sát kho hàng...

- Tăng cường thêm trang thiết bị phục vụ cho việc kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu, hành lý của khách xuất nhập cảnh phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa bàn, đáp ứng yêu cầu phát hiện, ngăn chặn hàng cấm, hàng lậu. Trước mắt nên tập trung trang bị máy soi và hệ thống soi ngầm kiểm tra hàng hóa.

- Xây dựng chương trình phần mềm máy vi tính phù hợp với hệ thống quy trình thủ tục hải quan. Chương trình phần mềm này phải có khả năng kế thừa, tương thích và phát triển từ các hệ thống tin học nghiệp vụ đã triển khai trong ngành, có khả năng vận hành trên mạng diện rộng, với các chức năng phù hợp với các loại hình thủ tục cảng biển, hàng không, đường bộ... đảm bảo đáp ứng được yêu cầu đa dạng của công tác quản lý hải quan, được thiết kế đủ các chức năng cho các cơ quan có liên quan như doanh nghiệp, các đại lý khai thuế hải quan, ngân hàng, cảng vụ, hãng vận chuyển. Thực hiện giao dịch trên mạng về thủ tục hải quan.

3.2.7. Tăng cường quan hệ phối hợp với hợp tác quốc tế trong quản lý rủi ro

Hoạt động XNK hàng hóa liên quan đến nhiều đối tác, quá trình diễn ra ngoài biên giới quốc gia. Để có thông tin về các đối tác và quá trình đó, ngoài việc tổ chức mạng lưới tình báo phục vụ hải quan, rất cần hợp tác với các tổ chức quốc tế và hải quan các nước để có được lượng thông tin đầy đủ nhất,

chi phí thấp nhất. Muốn vậy, cần đẩy mạnh hợp tác quốc tế về hải quan trên các lĩnh vực:

- Mở rộng quan hệ với các Tổ chức Hải quan Thế giới và khu vực nhằm tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức này, nhất là về phương diện hỗ trợ chuyên gia đào tạo cho cán bộ hải quan về quy trình, kỹ năng QLRR. Ngoài ra cần đẩy mạnh hoạt động trao đổi thông tin để thiết kế hệ thống QLRR dựa trên các chuẩn mực quốc tế ở những khâu phù hợp.

- Tăng cường mở rộng và nâng cao cấp độ quan hệ song phương với hải quan các nước ASEAN, Hải quan các nước láng giềng và Hải quan một số nước công nghiệp phát triển để phối hợp hoạt động nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, học tập trao đổi kinh nghiệm QLRR, tranh thủ sự giúp đỡ về trang thiết bị, về đào tạo nâng cao trình độ cán bộ công chức hải quan của họ.

- Chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết để hoàn thiện văn bản pháp quy, cơ sở vật chất, cơ chế nắm bắt thông tin và lực lượng cán bộ triển khai để tiếp cận quá trình hài hòa thủ tục hải quan và chia sẻ thông tin, nhất là các thông tin về rủi ro.

- Tích cực đề xuất Tổng Cục Hải Quan gửi cán bộ hải quan đi đào tạo và thực tập ở nước ngoài để làm chủ kỹ thuật QLRR hiện đại, coi bộ phận cán bộ này là nòng cốt để mở rộng tự đào tạo QLRR.

- Bước đầu trao đổi kinh nghiệm và thiết lập các mối quan hệ thích hợp cho việc kiểm tra hải quan theo nguyên tắc QLRR ở nước ngoài, nhất là với các nước có quan hệ ngoại thương nhiều mặt với Việt Nam như Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, Thái Lan, EU...

3.2.8. Chế độ đãi ngộ đối với cán bộ công chức Phòng quản lý rủi ro và cán bộ công chức chuyên trách quản lý rủi ro tại các Chi cục Hải quan

Các cán bộ công chức tại phòng quản lý rủi ro và các cán bộ công chức chuyên trách tại các Chi cục làm việc kiểm tra hệ hàng hóa bằng máy soi

container, các tia phóng xạ... môi trường làm việc ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cán bộ công chức, vì thế Cục Hải quan TP Hải Phòng, Tổng cục Hải quan cần có chính sách đãi ngộ đối với cán bộ công chức làm công tác quản lý rủi ro để họ chuyên tâm công tác.

Trên đây là một số kiến nghị để công tác QLRR đáp ứng được các yêu cầu của Luật quản lý thuế, Luật hải quan, về triển khai cơ chế Hải quan một cửa quốc gia; để QLRR phải hỗ trợ đầy đủ cho hoạt động kiểm tra, giám sát hải quan trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS đối với hàng hoá XNK, đảm bảo kiểm soát hải quan hiệu quả góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, an toàn cộng đồng và bảo vệ phát triển kinh tế đất nước, đồng thời tạo thuận lợi thương mại, giảm tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hoá đến năm 2015 là dưới 10% và đến năm 2020 phấn đấu đạt dưới 7%.

KẾT LUẬN

Trước sự đòi hỏi của phát triển kinh tế và giao lưu thương mại, QLRR chính là một trong những trụ cột của phương thức quản lý hải quan hiện đại mà nhiều nước trên thế giới đã áp dụng. Trong hoàn cảnh nước ta, sự phát triển của kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế cũng đang đặt ra yêu cầu cần thiết phải áp dụng quản lý rủi ro vào lĩnh vực hải quan nói chung, cũng như trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS đối với hàng hóa XNK. Với nguồn nhân lực có giới hạn và không thể tăng mãi theo khối lượng công việc, vấn đề đặt ra cho ngành Hải quan đó là phải làm gì để đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hàng hóa XNK, và đảm bảo yêu cầu quản lý chặt chẽ, đúng pháp luật, chống buôn lậu, gian lận thương mại, chống thất thu thuế một cách có hiệu quả. Vì vậy, ngành Hải quan phải nhanh chóng chuyển đổi từ phương thức quản lý từng lô hàng XNK tại cửa khẩu sang phương thức quản lý thông tin về toàn bộ quá trình hoạt động xuất nhập khẩu của hàng hóa và doanh nghiệp thông qua các quy trình xác định, đánh giá, phân tích rủi ro đối với từng loại doanh nghiệp, từng loại mặt hàng tham gia vào XNK.

Áp dụng QLRR trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS trong giai đoạn hiện nay còn có ý nghĩa quan trọng, thể hiện sự nỗ lực của Việt Nam trong thực hiện cam kết quốc tế trong lĩnh vực hải quan, mang lại hiệu quả cho hoạt động hải quan cũng như cho doanh nghiệp XNK, góp phần tích cực nâng cao vị thế của Việt Nam trên thế giới. Điều đó sẽ làm cho thủ tục hải quan của Việt Nam tương thích với thủ tục hải quan của các nước trong khu vực và trên thế giới, đồng thời bắt kịp với trình độ của Hải quan các nước đó.

Từ quá trình nghiên cứu, có thể nhận thấy không chỉ Hải quan mà ngay cả những lĩnh vực khác cũng đang ngày càng nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của việc áp dụng QLRR nhằm đáp ứng xu thế hội nhập, toàn cầu hóa,

hướng tới phát triển nền kinh tế, đảm bảo an ninh quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ. Nghiên cứu về việc áp dụng QLRR trong ngành Hải quan nói chung và trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS nói riêng sẽ giúp chúng ta đề ra các giải pháp thích ứng, khoa học, đạt hiệu quả cao nhất, phát triển tốt nhất, hợp lý nhất với điều kiện của thương mại Việt Nam hiện nay.

Tuy nhiên, do là một kỹ thuật mới và thời gian triển khai ngắn QLRR nên từ cấp chiến lược đến các công chức thừa hành đều gặp nhiều trở ngại, chưa hình thành được phong cách làm việc mới cũng như chưa phát huy tối đa hiệu quả của phương pháp, còn một số yếu kém cần phải khắc phục. Nhưng có thể khẳng định rằng, QLRR trong thủ tục hải quan điện tử và thông quan tự động VNACCS/VCIS đã góp phần đặc biệt để hải quan Việt Nam thực hiện mục tiêu phấn đấu trở thành cơ quan hải quan hiện đại, chuyên nghiệp, là cơ quan đi đầu trong việc tạo thuận lợi thương mại, đầu tư, góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu cho ngân sách quốc gia.

Với truyền thống nỗ lực đổi mới của đội ngũ nhân viên hải quan tận tụy, chuyên nghiệp, kết hợp với sự hỗ trợ của phương pháp QLRR dựa trên cơ sở khoa học Cục Hải quan thành phố Hải Phòng sẽ tiến hành hiện đại hóa thành công, góp phần đưa nước ta chủ động hội nhập quốc tế./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Vũ Ngọc Anh (2010), “*Nâng cao hiệu quả áp dụng quản lý rủi ro trong lĩnh vực nghiệp vụ hải quan*”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành, Hà Nội;
- [2]. Bộ khoa học công nghệ Việt Nam (2016), *Bộ tiêu chuẩn TCVNISO/IEC31010:2013 - Quản lý rủi ro - kỹ thuật đánh giá rủi ro*.
- [3]. Bộ Giáo dục và đào tạo (1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội;
- [4]. Bộ Tài chính (2013), *Quyết định số 2998/QĐ-BTC ngày 02/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy định áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý hải quan, quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh*, Hà Nội;
- [5]. Bộ Tài chính (2013), *Thông tư số 175/TT-BTC ngày 29/11/2013 của Bộ Tài chính quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan*, Hà Nội;
- [6]. Bộ Tài chính (2015), *Quyết định số 464/QĐ-BTC ngày 29/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy định quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan*, Hà Nội;
- [7]. Bộ Tài chính (2015), *Thông tư số 38/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu*, Hà Nội;
- [8]. Bộ Tài chính (2015), *Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12/05/2015 của Bộ Tài chính về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong*

thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, Hà Nội;

- [9]. Chính phủ (2015), *Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 14/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ*, Hà Nội;
- [10]. Chính phủ (2015), *Nghị định số 08/2015/NĐ - CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan, kiểm soát hải quan*, Hà Nội;
- [11]. Chính phủ (2011), *Quyết định số 448/2011/QĐ-TTg ngày 25/3/2011 v/v phê duyệt Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020*, Hà Nội;
- [12]. Chính phủ (2015), *Quyết định số 464/QĐ-BTC ngày 29/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Quy định quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan*, Hà Nội;
- [13]. Chính phủ (2008), *Quyết định số 48/2008/QĐ-BTC, ngày 04/07/2008, của Bộ trưởng Bộ Tài chính*, Hà Nội
- [14]. Chính phủ (2015), *Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan*, Hà Nội
- [15]. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 14/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ*, Hà Nội.
- [16]. Quách Đăng Hòa (2009), “*Nghiên cứu xây dựng, quản lý và sử dụng hồ sơ rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ của ngành Hải quan*”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành, Hà Nội;
- [17]. Quách Đăng Hòa (2016), “*Nghiên cứu, xây dựng Khung tiêu chuẩn quản lý rủi ro của Hải quan Việt Nam*”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành, Hà Nội;

- [18]. Hội đồng Hợp tác Hải quan Thế giới (1999), *Công ước quốc tế về hài hòa và đơn giản hóa thủ tục Hải quan (Công ước Kyoto sửa đổi và bổ sung)*- <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xuat-nhap-khau/Nghi-dinh-thu-sua-doi-Cong-uoc-Quoc-te-ve-don-gian-hoa-va-hai-hoa-Thu-tuc-Hai-quan-1999-228914.aspx>.
- [19]. Song Minh (2006), *Quy trình quản lý rủi ro của Hải quan Liên minh Châu Âu*, Nghiên cứu Hải quan, (1+2), Hà Nội
- [20]. Quốc hội (2014), *Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/06/2014*, Hà Nội;
- [21]. Tổng cục Hải quan (2015), *Quyết định số 282/QĐ-TCHQ ngày 10/11/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan hướng dẫn thực hiện, áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan*, Hà Nội;
- [22]. Tổ chức Hải quan thế giới WCO, *Cẩm nang về quản lý rủi ro*